

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ Tp.HCM**

VÕ TRUNG DŨNG

**HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH
CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
KHU VỰC MIỀN NAM**

**Chuyên ngành : KINH TẾ TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
Mã số : 60.31.12**

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS NGUYỄN NGỌC ĐỊNH

TP.Hồ Chí Minh - Năm 2008

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này là sản phẩm khoa học đầu tiên của tôi sau quá trình học tập, nghiên cứu nghiêm túc tại Trường Đại Học Kinh Tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Công trình nghiên cứu này là thành quả của sự nỗ lực phấn đấu từ chính bản thân cùng với công sức của tập thể.

Tôi xin trân trọng cảm ơn PGS.TS NGUYỄN NGỌC ĐỊNH đã hướng dẫn và giúp tôi trong quá trình nghiên cứu đề tài.

Tôi xin trân trọng cảm ơn tập thể Hội đồng chấm luận văn với những nhận xét và đóng góp ý kiến giúp tôi chỉnh sửa hoàn thiện luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn quý Cô, quý Thầy đã tận tình trang bị cho tôi kiến thức quý báu trong suốt khóa cao học 15.

Tôi xin chân thành cảm ơn quý Lãnh đạo Công ty XSKT An Giang, đồng nghiệp và nhất là những người thân đã ủng hộ và tạo mọi điều kiện cho tôi được tham gia khóa học hoàn thiện hơn kiến thức cho bản thân.

Tp. HCM, ngày 09/12/2008

TÁC GIẢ

Võ Trung Dũng

LỜI CAM ĐOAN

Luận văn này được hoàn thành sau thời gian dài nghiên cứu nghiêm túc của riêng cá nhân tôi. Kết quả nghiên cứu này chưa từng được bất kỳ cá nhân nào công bố trước đó.

Tất cả các số liệu dẫn chứng, kết quả nghiên cứu trong luận văn hoàn toàn chính xác và trung thực. Những thông tin tham khảo được thể hiện rõ nguồn gốc và khách quan.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với kết quả nghiên cứu này.

Tp.HCM, ngày 28/10/2008

TÁC GIẢ

Võ Trung Dũng

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT.

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ.

PHẦN MỞ ĐẦU.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN TỔNG QUAN VỀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	1
1.1 Khái niệm xổ số.....	1
1.2 Bản chất của xổ số.....	1
1.3 Sự tồn tại khách quan của xổ số.	2
1.3.1 Sự phát triển về kinh tế, xã hội.	2
1.3.2 Sự thay đổi trong nhận thức của xã hội.	2
<i>1.3.2.1 Thay đổi quan niệm về xổ số.....</i>	<i>2</i>
<i>1.3.2.2 Hình thức giải trí mới</i>	<i>3</i>
<i>1.3.2.3 Hình thức đầu tư mới.</i>	<i>3</i>
1.3.3 Vai trò của xổ số.....	3
<i>1.3.3.1 Xổ số góp phần đầu tư cho phúc lợi xã hội.</i>	<i>4</i>
<i>1.3.3.2 Xổ số là công cụ điều tiết, phân phối lại thu nhập quốc dân.</i>	<i>4</i>
<i>1.3.3.3 Xổ số là công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ.....</i>	<i>4</i>
<i>1.3.3.4 Góp phần giải quyết việc làm.</i>	<i>5</i>
1.4 Mô hình hoạt động xổ số.	6
1.4.1 Tại Mỹ.	6
1.4.2 Tại Việt Nam.....	7
1.5 Cơ chế tài chính hoạt động xổ số Việt Nam.	8
1.5.1 Khái luận về cơ chế quản lý tài chính.	8
1.5.2 Cơ chế tài chính trong hoạt động xổ số tại Việt Nam.	9
<i>1.5.2.1 Báo cáo tài chính.....</i>	<i>10</i>

1.5.2.2	<i>Nguồn vốn, tài sản</i>	10
1.5.2.3	<i>Doanh thu, chi phí</i>	12
1.5.2.4	<i>Phân phối thu nhập</i>	12
1.5.2.5	<i>Thực hiện giám sát và kiểm soát tài chính tại Công ty XSKT</i>	13
1.6	Cơ chế tài chính đặc trưng trong hoạt động xổ số tại Mỹ.....	14
1.6.1	Nguồn vốn.....	14
1.6.2	Doanh số, chi phí.....	14
1.6.3	Phân phối nguồn thu.....	16
1.7	Bài học kinh nghiệm trong hoạch định cơ chế tài chính.....	17
	KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	18
	CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC MIỀN NAM	19
2.1	Tổ chức hoạt động của các Công ty XSKT.....	19
2.1.1	Hoạt động xổ số.....	19
2.1.2	Hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số.....	20
2.2	Các sản phẩm xổ số lưu hành.....	20
2.2.1	Xổ số truyền thống.....	20
2.2.2	Xổ số biết kết quả ngay.....	21
2.3	Phân tích cơ chế tài chính Công ty XSKT khu vực Miền Nam.....	21
2.3.1	Mô hình quản lý tài chính.....	23
2.3.2	Báo cáo tài chính.....	23
2.3.3	Hình thành nguồn vốn, tài sản.....	24
2.3.3.1	<i>Vốn kinh doanh</i>	24
2.3.3.2	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	25
2.3.4	Sử dụng và quản lý vốn, tài sản.....	25
2.3.4.1	<i>Vốn cho hoạt động xổ số</i>	26

2.3.4.2	Vốn cho hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số.....	26
2.3.4.3	Vốn cho hoạt động tài chính.....	27
2.3.5	Doanh thu từ hoạt động kinh doanh.....	27
2.3.6	Chi phí hoạt động kinh doanh.....	28
2.3.7	Phân phối nguồn thu từ xổ số.....	29
2.3.7.1	Trích lập các quỹ theo quy định.....	29
2.3.7.2	Từ lợi nhuận còn lại.....	30
2.3.7.3	Thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.....	30
2.3.8	Quản lý tài sản và kiểm tra việc thực hiện cơ chế tài chính của các Công ty XSKT	30
2.3.9	Những nội dung cơ bản trong quản lý tài chính của Công ty XSKT Thành Phố Hồ Chí Minh.	31
2.4	Phân tích một số tồn tại, yếu kém.....	33
2.4.1	Cơ chế quản lý tài chính hiện tại còn bất cập.....	34
2.4.2	Sự lãng phí về nguồn vốn phục vụ hoạt động phát hành vé xổ số.....	34
2.4.3	Hao phí nguồn lực tài chính do lượng vé phát hành lớn.....	36
2.4.4	Mức chi trả trúng thưởng không dự báo được.....	38
2.4.5	Tình hình tài chính bị ảnh hưởng do tỉ lệ tiêu thụ quá thấp.....	39
2.4.6	Nguồn thu từ xổ số dành phục vụ phúc lợi xã hội chưa minh bạch.....	39
2.4.7	Chi phí biến động do không quản trị được rủi ro tăng giá giấy.....	41
2.4.8	Nguồn lực lao động của xã hội chưa được sử dụng hiệu quả.....	42
2.4.9	Sử dụng tài sản của Nhà nước cho hoạt động cạnh tranh lẫn nhau.....	42
2.4.10	Mức độ và hiệu quả đầu tư mở rộng kinh doanh còn hạn chế.....	43
2.5	Nguyên nhân của những tồn tại.....	43
2.5.1	Hệ thống pháp luật quản lý hoạt động xổ số chưa hoàn chỉnh.....	43
2.5.2	Thiếu chế tài xử lý các vi phạm.....	44

2.5.3 Thiếu đồng bộ trong quản lý điều hành hoạt động xổ số giữa Bộ Tài chính và địa phương.	44
2.5.4 Các chỉ tiêu kế hoạch chưa hợp lý, tăng áp lực đối với Công ty.	45
2.5.5 Loại hình xổ số truyền thống không thích hợp với những thay đổi của xã hội.	45
2.5.6 Năng lực nội tại về nhân sự và chuyên môn của Công ty XSKT chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng kinh doanh.	45
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.	46

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC MIỀN NAM.467

3.1 Định hướng phát triển hoạt động xổ số.....	467
3.1.1 Cấu trúc thị trường.....	48
3.1.2 Loại hình sản phẩm.....	48
3.1.3 Hợp tác quốc tế và hiện đại hóa công nghệ quản lý.	49
3.2 Hoàn thiện cơ chế tài chính các Công ty XSKT.....	50
3.2.1 Mô hình quản trị tài chính.	50
3.2.1.1 Chuyển đổi Công ty XSKT sang hình thức Công ty TNHH một thành viên theo mô hình công ty mẹ – công ty con.	50
3.2.1.2 Thành lập Công ty XSKT quốc gia.	52
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện cơ chế tài chính.	53
3.2.2.1 <i>Đẩy mạnh đầu tư vốn tích lũy.</i>	53
3.2.2.2 <i>Tăng cường quản lý bảo toàn vốn tài sản trong kinh doanh xổ số truyền thống thông qua thế chấp.</i>	55
3.2.2.3 <i>Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong kinh doanh xổ số truyền thống thông qua rút ngắn kỳ hạn thanh toán nợ.</i>	56
3.2.2.4 <i>Đổi mới cơ chế quản lý doanh thu, chi phí.</i>	57
3.2.2.5 <i>Minh bạch hóa trong phân phối lợi nhuận.</i>	60

3.3 Nhóm giải pháp hỗ trợ từ Nhà nước.....	60
3.3.1 Hoàn chỉnh hệ thống văn bản về cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty XSKT.....	611
3.3.2 Hoàn thiện qui định pháp luật đối với Công ty TNHH một thành viên kinh doanh xổ số.....	63
3.3.3 Cụ thể hóa quy định về cơ chế giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm.....	64
3.4 Nhóm giải pháp khác.....	64
3.4.1 Hoạch định chiến lược tài chính trong giai đoạn mở rộng đầu tư.....	64
3.4.2 Tăng cường vai trò của nhà quản trị tài chính.....	66
3.4.3 Gia tăng doanh thu thông qua đổi mới sản phẩm xổ số truyền thống....	688
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	70
KẾT LUẬN.....	71

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

CFO : Chief Financial Officer.

CPTT : Chi phí trả thưởng.

DSPH : Doanh số phát hành.

DSTT : Doanh số tiêu thụ.

DTTT : Doanh thu tiêu thụ.

GDP : Gross of Domestic Product.

MUSL : The Multi-State Lottery Association.

NĐ CP : Nghị định Chính phủ.

TNHH : Trách nhiệm hữu hạn.

TT BTC : Thông tư Bộ Tài chính.

UBND : Ủy ban nhân dân.

XSKT : Xổ số kiến thiết.

XSKT DV : Xổ số kiến thiết dịch vụ.

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Hình 1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh xổ số khu vực Miền Nam	5
Hình 1.2 Số lượng đại lý xổ số tại Mỹ	5
Hình 1.3 Mô hình cơ chế quản lý tài chính.....	9
Hình 1.4 Mô hình hoạt động tài chính doanh nghiệp	13
Bảng 1.5 Doanh số hoạt động xổ số tại Mỹ.....	15
Bảng 1.6 Chi phí trả thưởng của hoạt động xổ số tại Mỹ	16
Hình 1.7 Tỷ lệ chung của cơ cấu tài chính hoạt động xổ số tại Mỹ	17
Hình 2.8 Mô hình cơ chế quản lý tài chính các Công ty XSKT.....	22
Bảng 2.9 Cơ cấu vốn của Công ty XSKT An Giang năm 2007	25
Bảng 2.10 Vốn đầu tư lĩnh vực ngoài XS tại Công ty XSKT Bình Dương.....	27
Bảng 2.11 Hoạt động đầu tư tài chính của Công ty XSKT An Giang năm 2007 ...	27
Bảng 2.12 Doanh thu hoạt động xổ số của khu vực qua các năm.....	28
Bảng 2.13 Tỷ lệ chi phí trả thưởng bình quân toàn khu vực	29
Hình 2.14 Tình hình nộp thuế của hoạt động xổ số cả khu vực qua các năm	30
Bảng 2.15 Tình hình kinh doanh xổ số của Công ty XSKT TP.HCM.....	32
Bảng 2.16 Cơ cấu chi phí so với doanh thu tiêu thụ	33
Bảng 2.17 Mức độ đóng góp của Doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước	33
Hình 2.18 Chu kỳ hoạt động xổ số.	34
Bảng 2.19 Chi phí giấy in của một tờ vé số.....	35
Bảng 2.20 Tổng chi phí giấy in vé số của khu vực Miền Nam.	35
Bảng 2.21 Lượng giấy hao phí do in thừa vé.	36
Bảng 2.22 Chi phí giấy thiệt hại do in thừa vé	36
Bảng 2.23 Chi phí in ấn thiệt hại do in thừa vé.....	37
Hình 2.24 Sơ đồ kênh phân phối.....	38
Hình 2.25 Thuyết minh rủi ro thua lỗ.....	39

MỞ ĐẦU

1. SỰ CẦN THIẾT CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.

Hàng hóa vật chất và hàng hóa dịch vụ là hai yếu tố cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường. Xu hướng phát triển của kinh tế thế giới đã chứng minh rằng: giá trị do lĩnh vực dịch vụ tạo ra đóng góp ngày càng nhiều hơn cho GDP của quốc gia với tỉ trọng hơn 60%. Hiện nay, chỉ số này ở Việt Nam chiếm khoảng 40% GDP nhưng đây là kết quả khả quan đạt được trong quá trình đổi mới. Lĩnh vực dịch vụ giải trí và nhất là hoạt động giải trí có thưởng như xổ số đã cùng góp vào thành quả trên.

Tổng kết giai đoạn 2001 – 2005, Việt Nam đã đạt các chỉ tiêu phát triển kinh tế – xã hội do Đại hội Đảng lần thứ IX đề ra: tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,4%/năm, năm 2005 đạt 8,4%. Mức độ tăng GDP các năm tiếp theo luôn duy trì ở mức cao: năm 2006 đạt 8,17%, năm 2007 đạt 8,48% và 9 tháng đầu năm 2008 đạt 6,52%. Hoạt động xổ số góp chung vào thành quả trên bằng việc thu hút thêm nguồn vốn cho ngân sách để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp y tế, giáo dục, phúc lợi công cộng. Trong 2 năm 2004 – 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành xổ số đạt 22%/năm, đóng góp ngân sách tăng bình quân 20%/năm. Tổng doanh thu xổ số, đặt cược và trò chơi có thưởng đạt 2,7% GDP.

Bên cạnh đó, hoạt động xổ số thời gian qua đã bộc lộ những hạn chế:

1 – Quy mô thị trường nhỏ. Hoạt động xổ số phát triển chưa thực sự ổn định, vững chắc.

2 – Cơ cấu sản phẩm chưa phù hợp. Công nghệ quản lý lạc hậu, không khai thác được thị trường tiềm năng.

3 – Hiện tượng cạnh tranh bất bình đẳng đã được chấn chỉnh nhưng chưa triệt để.

4 – Công tác quản lý Nhà nước bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế tính năng động của doanh nghiệp thành viên.

Những vấn đề tồn tại trên cần được khắc phục nhằm hoàn thiện hoạt động xổ số Việt Nam, thích ứng với giai đoạn hội nhập thế giới. Chính vì thế, tôi chọn đề tài “**Hoàn thiện cơ chế tài chính các Công ty xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam**” để nghiên cứu.

2. MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU.

Qua nghiên cứu hoạt động xổ số của Việt Nam và các quốc gia điển hình trên thế giới kết hợp với tham khảo những công trình nghiên cứu đã công bố, luận văn góp phần làm sáng tỏ và cập nhật các vấn đề lý luận cơ bản về xổ số. Luận văn tập trung nghiên cứu thực trạng hoạt động xổ số Việt Nam, nhận diện những hạn chế phát sinh do môi trường kinh tế, xã hội đã thay đổi, từ đó hình thành các giải pháp đổi mới nhằm hoàn thiện cơ chế tài chính riêng có của những doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực này.

3. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU.

Đề tài nghiên cứu được thực hiện trong phạm vi hoạt động xổ số của khu vực Miền Nam – một hình thức giải trí có thưởng tại Việt Nam. Trong đó, luận văn tập trung nghiên cứu các vấn đề thuộc cơ chế tài chính của Công ty xổ số kiến thiết kinh doanh trong lĩnh vực độc quyền Nhà nước.

4. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.

Hoạt động xổ số tại Việt Nam đang vận động và phát triển không ngừng. Do đó, trong suốt quá trình tiếp cận và nghiên cứu đề tài, luận văn được hoàn thành dựa trên cơ sở sử dụng triệt để phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Bên cạnh đó, phương pháp dự báo, phân tích, so sánh và thống kê các số liệu báo cáo được sử dụng kết hợp với khảo sát và trải nghiệm thực tế.

5. Ý NGHĨA KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU.

Bên cạnh tính kế thừa trong nghiên cứu, luận văn đã tiếp cận và nghiên cứu đối tượng dưới góc độ cơ chế tài chính với những số liệu cung cấp xác thực phản ánh rõ nét hơn thực trạng của hoạt động xổ số Việt Nam. Đây là cơ sở nâng cao độ tin cậy và khả năng ứng dụng của các giải pháp trong thực tiễn.

Công trình nghiên cứu này góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở lý luận hiện có về hoạt động xổ số Việt Nam, phục vụ cho những nghiên cứu tiếp theo.

6. KẾT CẤU LUẬN VĂN.

Ngoài phần mở đầu, luận văn có kết cấu như sau:

Chương 1: Lý luận tổng quan về cơ chế tài chính.

Chương 2: Thực trạng cơ chế tài chính các Công ty xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam.

Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện cơ chế tài chính các Công ty xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam.

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN TỔNG QUAN VỀ CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

1.1 Khái niệm xổ số.

Xổ số ra đời từ rất sớm và hiện đã có mặt trên toàn thế giới nên có nhiều quan niệm khác nhau về nó.

Bộ dân chính Trung Quốc quan niệm: “xổ số là một hình thức phát hành có mệnh giá và trong đó có in số, hình thù mà người mua có thưởng hoặc không có thưởng”.

Với Wikipedia: “a lottery is a popular form of gambling which involves the drawing of lots for a prize”. Tự điển Anh – Anh định nghĩa rằng : “prizes to the holders of numbers selected at random”.

Theo Nghị định 30/2007/NĐ-CP của Việt Nam: xổ số là “các sự kiện có kết quả ngẫu nhiên”. Kinh doanh xổ số là “hoạt động kinh doanh dựa trên các sự kiện có kết quả ngẫu nhiên, được tổ chức theo nguyên tắc doanh nghiệp thu tiền tham gia dự thưởng của khách hàng và thực hiện trả thưởng cho khách hàng khi trúng thưởng”.

Mặc dù vậy, xổ số có thể được xem là hình thức giải trí có thưởng bằng cách lựa chọn kết quả ngẫu nhiên và đồng thời cung cấp tài chính thực hiện mục tiêu đã xác định. Đây cũng là đặc điểm thể hiện bản chất của hoạt động xổ số.

1.2 Bản chất của xổ số.

Bản chất của xổ số được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau.

Nước Pháp quan niệm: xổ số là trò chơi ngẫu nhiên, đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí của dân chúng, đồng thời tạo nguồn thu cho ngân sách.

Nước Úc lại quan niệm rằng: xổ số là hoạt động vui chơi ăn tiền, là một thực trạng xã hội. Nhà nước nhận trách nhiệm đứng ra tổ chức cho người dân vui

chơi theo đúng luật pháp nhằm đảm bảo quyền lợi của người chơi, đồng thời qua đó thu tiền để sử dụng cho những công việc phục vụ lợi ích chung toàn xã hội.

Trong báo cáo đánh giá hoạt động xổ số kiến thiết 2004 - 2005, các nhà tài chính Việt Nam cho rằng: xổ số “là công cụ tài chính của Nhà nước để điều tiết, phân phối lại thu nhập quốc dân, khai thác thêm nguồn thu cho ngân sách”.

1.3 Sự tồn tại khách quan của xổ số.

Lịch sử hình thành và phát triển của xổ số trong thời gian qua đã chứng minh sự tồn tại khách quan của nó. Xổ số tồn tại và phát triển dựa trên các điều kiện nền tảng nhất định.

1.3.1 Sự phát triển về kinh tế, xã hội.

Chỉ khi nền kinh tế phát triển đến mức độ có tích lũy, những nhu cầu cơ bản được thỏa mãn, khi đó vấn đề giải trí được đặt ra và xổ số xuất hiện. Hoạt động xổ số đòi hỏi phải có sự tham gia của số đông người chơi. Chính vì vậy, thành quả phát triển kinh tế phải được chia sẻ cho nhiều người. Sự phát triển của kinh tế, xã hội ảnh hưởng đến xổ số và khi ấy hoạt động xổ số tác động đến công bằng xã hội thông qua tài trợ cho các chương trình phúc lợi công cộng.

1.3.2 Sự thay đổi trong nhận thức của xã hội.

Bên cạnh điều kiện về nhu cầu giải trí của nhiều người, xổ số cần những nhận thức tích cực về nó.

1.3.2.1 Thay đổi quan niệm về xổ số.

Xổ số muốn phát triển đòi hỏi xã hội phải có quan niệm thông thoáng và nhận thức đầy đủ về bản chất của nó. Xổ số xuất hiện đầu tiên tại Trung Quốc nhưng không thể phát triển bởi quan niệm của xã hội cho rằng đây là hoạt động lừa bịp, đánh bạc. Đến năm 1980, vấn đề phúc lợi xã hội cho người nghèo trở nên cấp thiết do tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường. Chính vì thế, xổ số phúc lợi xã hội của Trung Quốc (nơi đánh bạc là bất hợp pháp) ra đời và phát triển

nhanh. Doanh thu của loại hình này năm 2007 đạt 63,16 tỉ nhân dân tệ (khoảng 8,72 tỉ đôla), chiếm 62,1% thị trường xổ số. Ngoài ra, loại hình xổ số thể thao cũng đang phát triển tại đây.

1.3.2.2 Hình thức giải trí mới.

Quan niệm xổ số là hình thức giải trí xuất hiện trong thời gian gần đây. Với đặc điểm: lựa chọn ngẫu nhiên những số trúng thưởng, quá trình quay số minh bạch nên xổ số có thể được xem là một hình thức cá cược giữa người chơi và đơn vị tổ chức về những con số trúng thưởng. Người chơi đoán những con số sẽ trúng thưởng và đặt cược những con số đó bằng tiền. Nếu đoán trúng, họ sẽ được trả một khoản tiền thưởng lớn gấp nhiều lần so với số tiền đặt cược. Người tham gia xổ số phải suy đoán rất nhiều khi lựa chọn những con số kỳ vọng.

1.3.2.3 Hình thức đầu tư mới.

Xổ số còn được xem là hình thức đầu tư với lợi nhuận rất cao nhưng cũng đầy mạo hiểm. Mega Millions là một trong những giải xổ số lớn nhất nước Mỹ với hàng triệu người tham gia. Với 1 đôla, người chơi có thể thắng đến 500 triệu đôla. Mức khởi điểm cho giải Đặc biệt là 12 triệu đôla và số tiền này sẽ tăng nhanh qua mỗi vòng giải nếu không có người trúng thưởng. Để đạt mức trúng thưởng cao nhất, nhà đầu tư vào xổ số phải vượt qua 175 triệu người khác để giành lấy may mắn. Tại Việt Nam, với 1 đồng đầu tư vào xổ số người chơi có thể trúng thưởng tối đa nhiều gấp 150.000 lần với xác suất 1/1 triệu đối với loại hình 6 chữ số và 25.000 lần với xác suất 1/100.000 đối với loại hình 5 chữ số.

1.3.3 Vai trò của xổ số.

Tùy theo quy mô và cơ cấu kinh tế của mỗi quốc gia mà xổ số có tầm quan trọng nhất định, góp phần củng cố sự tồn tại của chính nó.

1.3.3.1 Xổ số góp phần đầu tư cho phúc lợi xã hội.

Vai trò quan trọng của xổ số đó là một phần đáng kể nguồn thu từ hoạt động này được sử dụng để đầu tư phục vụ phúc lợi xã hội như: văn hóa, y tế, giáo dục,... (phụ lục 1)

Vai trò đóng góp phúc lợi xã hội của xổ số Việt Nam được luật hóa bởi Thông tư 107/2006/TT BTC. Theo đó, từ năm 2007, nguồn thu từ xổ số không đưa vào cân đối thu chi mà được quản lý qua ngân sách Nhà nước và sử dụng để đầu tư các công trình phúc lợi xã hội quan trọng của địa phương trong đó tập trung vào lĩnh vực giáo dục, y tế. (phụ lục 2)

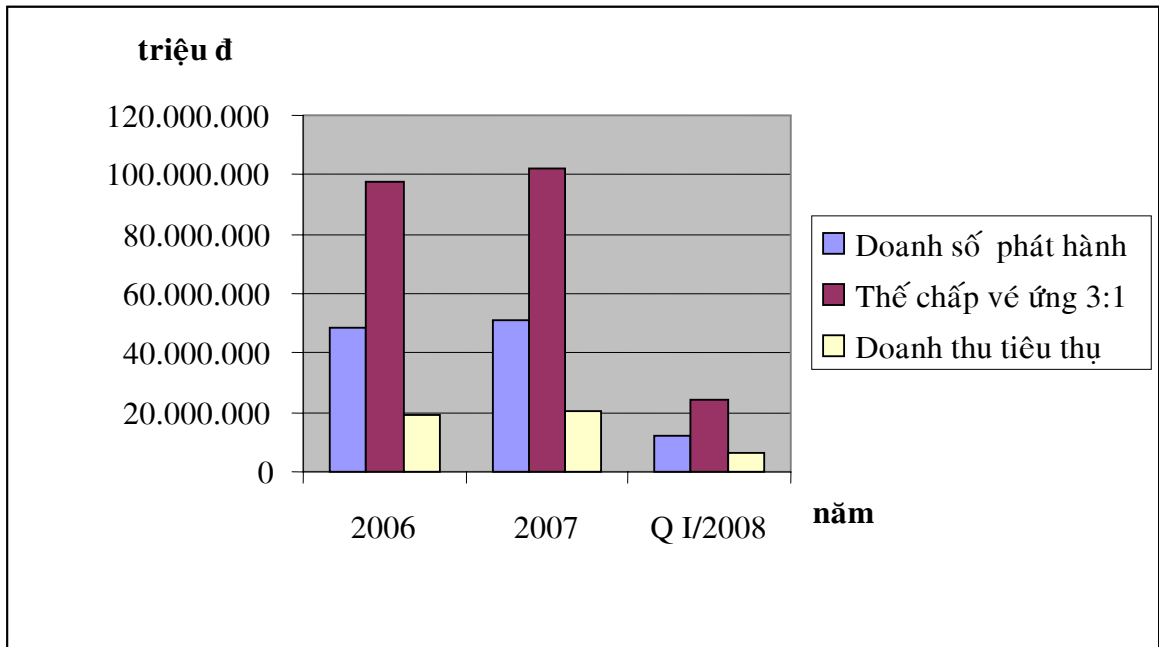
1.3.3.2 Xổ số là công cụ điều tiết, phân phối lại thu nhập quốc dân.

Xổ số có chức năng phân phối lại thu nhập dưới hình thức tự nguyện. Tham gia với hy vọng may mắn đổi đời, người chơi đã cùng đóng góp vào nguồn thu của xổ số để trợ giúp người nghèo dưới hình thức: xây nhà cho người nghèo, học bổng giáo dục, trợ giúp chữa bệnh,... hoặc đóng góp cùng Nhà nước xây dựng công trình phúc lợi công cộng như bệnh viện, trường học. Xổ số là cầu nối chuyển tải sự trợ giúp của cộng đồng cùng thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo của Chính phủ.

1.3.3.3 Xổ số là công cụ điều tiết lưu thông tiền tệ.

Tại Việt Nam, giao dịch mua bán lẻ vé xổ số được thực hiện bằng tiền mặt. Chính vì vậy, xổ số là công cụ hữu hiệu giúp Nhà nước điều tiết lưu thông tiền tệ. Công ty XSKT có 2 dòng tiền vào chủ yếu: thế chấp đảm bảo thanh toán và thanh toán tiền vé. Do đó tiền được rút nhanh khỏi lưu thông với số lượng lớn, góp phần thực hiện chính sách kiềm chế tỉ lệ lạm phát trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ trong năm 2008.

Hình 1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh xổ số khu vực Miền Nam

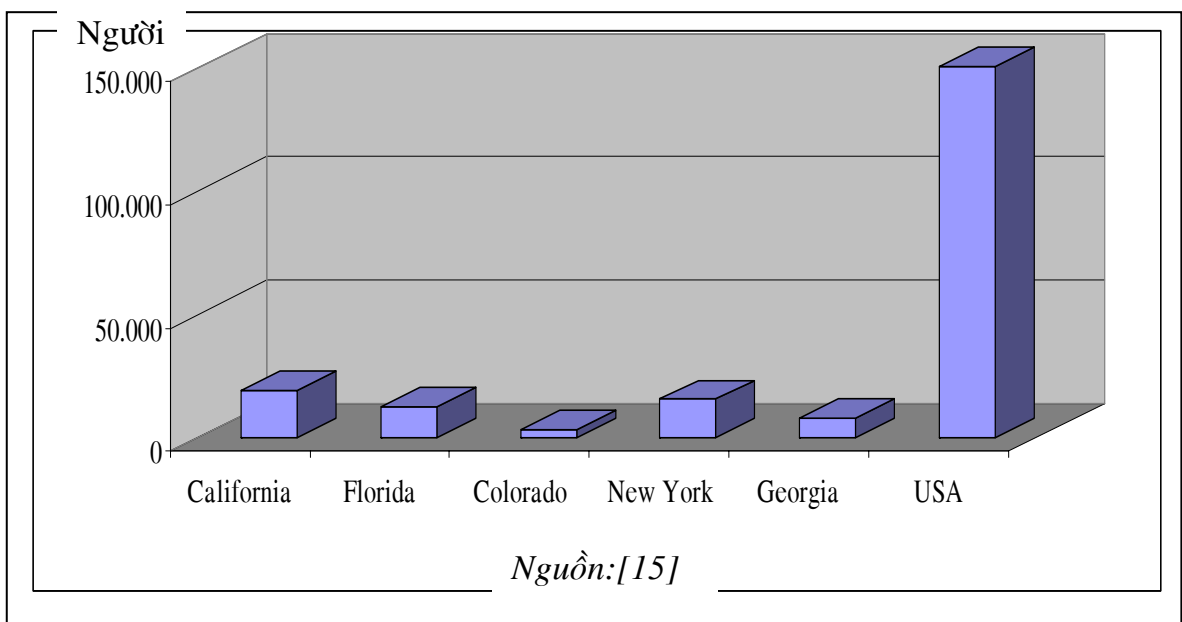


Nguồn:[13,14]

1.3.3.4 Góp phần giải quyết việc làm.

Tùy mức độ phát triển của hoạt động xổ số mỗi quốc gia mà nhu cầu về số lượng lao động khác nhau. Tại Mỹ và các quốc gia tiên tiến khác, với trình độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin cao nên mỗi đơn vị tổ chức xổ số quản lý hàng chục ngàn đại lý bán vé trực tiếp cho người chơi.

Hình 1.2 Số lượng đại lý xổ số tại Mỹ



Nguồn:[15]

Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới từ xuất phát điểm của quốc gia nông nghiệp lạc hậu và thoát khỏi chiến tranh không lâu. Một lượng lớn lao động thất nghiệp do chưa được đào tạo nghề hoặc không đủ sức lao động. Trong tất cả các công việc giản đơn trong xã hội, xổ số là lĩnh vực duy nhất có thể tiếp nhận số lao động này. Nhu cầu sử dụng nhiều lao động trong khâu phân phối với nhiều cấp đại lý trung gian và người bán lẻ. (phụ lục 3)

Mặc khác, xổ số còn tác động thúc đẩy sự phát triển, mở rộng quy mô sản xuất, tăng nhu cầu lao động đối với các ngành nghề có liên quan như: in ấn, vận chuyển, sản xuất giấy, sản xuất máy móc thiết bị.

1.4 Mô hình hoạt động xổ số.

Xổ số tại mỗi quốc gia được tổ chức theo mô hình riêng phù hợp với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và khoa học kỹ thuật của chính quốc gia đó.

1.4.1 Tại Mỹ.

Hoạt động xổ số được đặt dưới sự quản lý và điều hành của chính quyền mỗi bang mà cụ thể là Hội đồng điều hành gồm nhiều thành viên được bổ nhiệm bởi cơ quan chức năng theo định kỳ với các bộ phận nghiệp vụ và thực hiện kinh doanh theo luật riêng. Mỗi bang tự tổ chức riêng hoặc tham gia những trò chơi chung của Hiệp hội xổ số với những loại hình chủ yếu như : Powerball, Hot Lotto, Cashola, Midwest Millions, Wild Card 2, 2 by 2, Mega Millions, Tri-State Lottery. Mỗi hình thức có cách chơi và chu kỳ xổ số khác nhau.

Năm 1988, Hiệp hội xổ số (MUSL) được thành lập gồm 7 bang và khu vực thành viên để cùng tổ chức Powerball. Năm 1996, xổ số Big Game (Mega Millions) được tổ chức tại 6 bang thành viên khác và hiện đã kết nạp thêm 6 bang thành viên mới.

Mega Millions xổ vào thứ Ba và thứ Sáu hàng tuần có giải Đặc biệt gồm 6 số: với 5 số đầu, mỗi số được chọn từ nhóm gồm 56 số; số thứ 6 được chọn từ

nhóm gồm 46 số. Mức trúng thưởng giải Đặc biệt khởi đầu ở mức 12 triệu đôla và tăng lên qua mỗi vòng đạt mức tối đa là 500 triệu đôla nếu không có người trúng thưởng. Thời gian nhận giải thưởng từ 180 ngày đến 1 năm. Ngoài ra, còn có các giải trúng thưởng khác từ 2 đôla đến 250.000 đôla.

Đại lý được tổ chức theo 2 mô hình chính: 14 bang thành lập đại lý xổ số kinh doanh độc quyền những loại hình xổ số của bang; 26 bang khác tổ chức mạng lưới đại lý độc lập như doanh nghiệp tư nhân kinh doanh sản phẩm xổ số của nhiều bang. Đại lý bán vé tại điểm cố định đặt tại nơi công cộng như: quán ăn, cửa hàng thực phẩm, nhà hàng, trạm xăng,...

Ngoài đối tượng là đại lý và tổ chức xổ số, còn có nhà cung cấp. Đây là những công ty tư nhân chuyên cung cấp dịch vụ thực hiện toàn bộ các khâu như: máy móc thiết bị chuyên dụng, phần mềm quản lý, máy tính, thiết kế trò chơi, in vé, dịch vụ tư vấn và marketing. Hệ thống mạng vi tính liên kết thông tin giữa các đại lý và tổ chức xổ số trong việc ghi nhận thời gian, địa điểm, số tiền và các con số đã giao dịch; vé phát hành; xác định người trúng thưởng và đại lý bán trúng thưởng. Những đối tượng này cung cấp trọn gói dịch vụ xổ số cho tất cả các bang tại Mỹ và toàn thế giới.

1.4.2 Tại Việt Nam.

Xổ số là lĩnh vực kinh doanh độc quyền của Nhà nước. Các địa phương trực thuộc trung ương thành lập Công ty XSKT và tổ chức kinh doanh theo cơ chế thị trường chung với 3 khu vực: Miền Bắc gồm 29 Công ty (từ Hà Tĩnh trở ra); Miền Nam gồm 21 Công ty (từ Bình Thuận, Lâm Đồng trở vào); Miền Trung gồm 14 Công ty. Mỗi khu vực thành lập Hội đồng xổ số với đại diện các Công ty XSKT, từ đó bầu ra Ban thường trực để điều hành hoạt động xổ số khu vực. Công ty XSKT thuộc sở hữu Nhà nước. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung

ương là chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Công ty. Bộ Tài chính quản lý hoạt động trên cơ sở thống nhất về cơ chế chính sách, loại hình xổ số.

1.5 Cơ chế tài chính hoạt động xổ số Việt Nam.

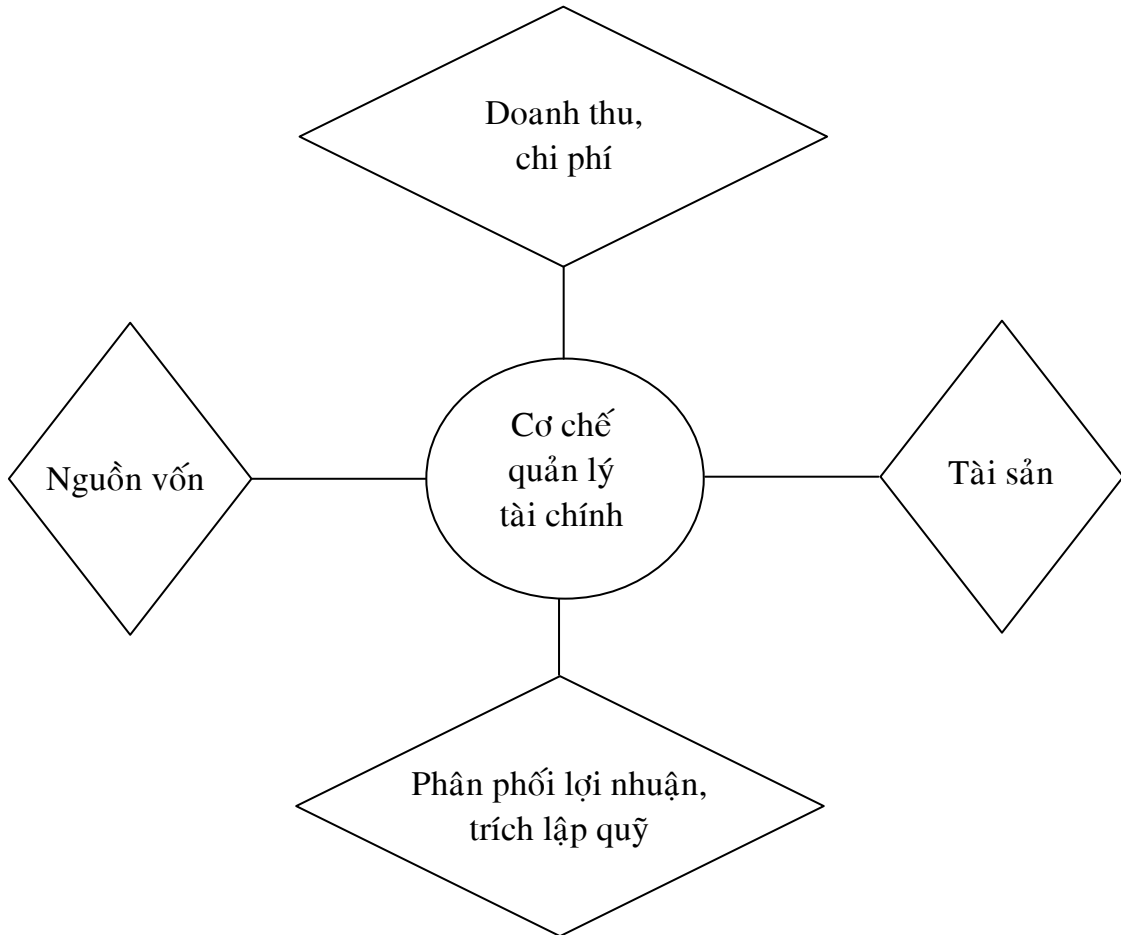
1.5.1 Khái luận về cơ chế quản lý tài chính.

Quản lý tài chính là sự tác động, điều hành của nhà quản trị tài chính đến các hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Sự tác động này được thực hiện theo một cơ chế, quy định cụ thể gọi là cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp. Do đó, cơ chế quản lý tài chính có thể được hiểu là tổng hợp các phương pháp, cách thức và công cụ được nhà quản trị tài chính vận dụng để điều hành và quản lý mọi hoạt động tài chính của doanh nghiệp trong những điều kiện cụ thể nhằm đạt được mục tiêu tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cơ chế quản lý tài chính bao gồm những hoạt động:

- + Quản lý vốn và tài sản được thể hiện qua các hoạt động: huy động, tài trợ và kiểm soát vốn, tài sản.
- + Quản lý doanh thu, chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động.
- + Quản lý hoạt động phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.
- + Những quy định về cách thức kiểm soát tài chính của nhà nước, của chủ sở hữu thông qua việc thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, báo cáo và công khai tài chính.

Ngoài ra, những đối tượng khác như : cơ quan Nhà nước, các tổ chức, các lĩnh vực trong xã hội và kể cả những công trình nghiên cứu có phát sinh hoạt động thu, chi tài chính cũng cần có cơ chế tài chính đặc thù nhằm đạt kết quả đã được xác lập. Vấn đề về cơ chế tài chính cần thiết cho nhiều đối tượng.

Hình 1.3 Mô hình cơ chế quản lý tài chính



Trên cơ sở những nội dung cơ bản này, cơ chế quản lý tài chính theo quy định trong hoạt động xổ số còn thể hiện những đặc trưng riêng có.

1.5.2 Cơ chế tài chính trong hoạt động xổ số tại Việt Nam.

Theo Nghị định 30/2007/NĐ CP ngày 01/3/2007: hoạt động xổ số là lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh. Do đó, cơ chế tài chính trong hoạt động xổ số chịu sự chi phối của Nghị định 199/2004/NĐ CP về quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và Thông tư 112/2007/TT BTC về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Công ty XSKT. Với đặc điểm trên, cơ chế quản lý tài chính trong hoạt động XSKT được thể hiện qua những vấn đề sau:

1.5.2.1 Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Đồng thời qua đó nó cũng phản ánh cách thức quản lý tài chính của chủ sở hữu và nhà quản trị. Công ty XSKT là doanh nghiệp Nhà nước được phép kinh doanh nhiều ngành nghề và hiện đang trong quá trình chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên nhà nước. Tất cả số liệu tài chính từ nguồn vốn, tài sản đến doanh thu và chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực ngoài sổ số như: in ấn, thương mại, dịch vụ, đầu tư tài chính,... phải được tập hợp cùng với hoạt động kinh doanh sổ số để hình thành báo cáo tài chính của Công ty. Bên cạnh đó, việc quản lý tập trung hoạt động kinh doanh của các ngành còn thực hiện mục đích thống nhất nguồn thu phục vụ cho việc trích lập các quỹ và động viên vào ngân sách.

Để thực hiện vai trò kiểm soát đối với hoạt động độc quyền như sổ số, định kỳ mỗi quý và cuối năm, báo cáo tài chính của Công ty XSKT phải được gửi cho Bộ Tài chính. Ngoài ra, mỗi tháng Công ty còn phải gửi cho Bộ Tài chính các báo cáo về hoạt động kinh doanh; tình hình tiêu thụ vé; việc thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý; mức chi trả hoa hồng đại lý và ủy quyền trả thưởng. Để đảm bảo tính trung thực, báo cáo tài chính hàng năm phải được sự kiểm chứng của cơ quan kiểm toán Nhà nước hoặc kiểm toán độc lập.

1.5.2.2 Nguồn vốn, tài sản.

Nhà nước đầu tư toàn bộ 100% vốn để tạo lập tài sản và vốn kinh doanh cho Công ty XSKT khi thành lập. Nhu cầu tăng vốn điều lệ của Công ty có thể được chủ sở hữu và Bộ Tài chính xem xét cho bổ sung từ nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích hàng năm và để lại tại doanh nghiệp. Hiện tại, các Công ty XSKT đang trong giai đoạn chuyển đổi từ cơ chế quản lý của Công ty Nhà nước sang Công ty TNHH một thành viên. Do đó, Chủ tịch Hội đồng thành viên (hoặc

Chủ tịch công ty), Giám đốc (hoặc Tổng giám đốc) chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về bảo toàn, phát triển và hiệu quả sử dụng vốn. Thực hiện chủ trương mở rộng quyền tự chủ cho doanh nghiệp, Nhà nước đã cho phép công ty XSKT có quyền chủ động tạo lập vốn cần thiết phục vụ hoạt động kinh doanh từ vốn chủ sở hữu đã đầu tư ban đầu cũng như các loại nguồn vốn hợp pháp khác được hình thành trong quá trình hoạt động như quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản,... cũng như được phép huy động vốn, vay vốn.

Ngoài ra, trong giai đoạn hội nhập kinh tế như hiện nay, để nâng cao vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế Nhà nước đồng thời sử dụng có hiệu quả hơn nguồn vốn hiện có tại mỗi doanh nghiệp kinh doanh xổ số, Nhà nước còn khuyến khích các Công ty XSKT trong việc thực hiện đầu tư vốn phát triển nhiều loại hình xổ số mới, hiện đại như xổ số điện toán cũng như mở rộng lĩnh vực kinh doanh ngoài xổ số như dịch vụ, thương mại, sản xuất,...

Với những quy định trên, Nhà nước đã cho Công ty XSKT một cơ chế mới thông thoáng hơn trong việc hình thành và sử dụng vốn của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm của người đại diện vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

Như nhiều doanh nghiệp khác, Công ty XSKT được trích lập các quỹ dự phòng: giảm giá hàng tồn kho; nợ phải thu khó đòi; trợ cấp mất việc làm, thôi việc và đầu tư dài hạn. Ngoài ra, do đặc thù của lĩnh vực kinh doanh xổ số, Công ty được trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng hàng năm vào thời điểm 31/12 năm dương lịch để tạo nguồn cho việc chi trả các vé trúng thưởng do thời hiệu trả thưởng kéo dài trong 60 ngày kể từ ngày mở thưởng.

Nhà nước giao quyền tự chủ cho người đại diện chủ sở hữu tại doanh nghiệp trong quản lý tài sản. Hàng năm, Công ty thực hiện kiểm kê tài sản và thanh lý những tài sản bị hỏng. Đối với tài sản bị mất hoặc thiệt hại, người đứng

đầu doanh nghiệp chịu trách nhiệm xử lý trong từng trường hợp cụ thể theo quy định trên cơ sở xác định trách nhiệm của đối tượng có liên quan cũng như mức độ thiệt hại xảy ra.

1.5.2.3 Doanh thu, chi phí.

Trên cơ sở kinh doanh nhiều ngành nghề, doanh thu của Công ty XSKT được hình thành từ nhiều nguồn: hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số, hoạt động tài chính và những khoản thu không thường xuyên. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh các lĩnh vực mới đang trong giai đoạn đầu nên doanh thu chủ yếu của Công ty XSKT hiện tại vẫn thuộc lĩnh vực kinh doanh xổ số. Với đơn giá bán vé 5.000 đồng và hoa hồng đại lý 15% doanh thu bán vé trước thuế theo quy định, doanh thu từ xổ số của mỗi Công ty phụ thuộc vào số lượng vé tiêu thụ phát hành mỗi tuần.

Chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh từ nghiệp vụ kinh doanh xổ số; hoạt động kinh doanh; các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất có liên quan đến hoạt động kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp; và các khoản chi phí bằng tiền khác. Như vậy, tất cả chi phí phát sinh có liên quan đến các lĩnh vực kinh doanh khác ngoài xổ số phải được tập hợp và hình thành chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty XSKT trong năm tài chính.

1.5.2.4 Phân phối thu nhập.

Nguồn thu từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ các khoản chi phí, trong đó có cả quỹ lương của người lao động và các khoản nộp nghĩa vụ thuế theo quy định, để hình thành lợi nhuận trước thuế và tiếp tục được phân phối dùng cho nộp thuế thu nhập, bù đắp khoản lỗ của năm trước và chi phí thực tế đã chi liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế. Lợi nhuận còn lại được trích 10% lập quỹ dự phòng tài chính; trích tối thiểu 30% lập quỹ đầu tư phát triển. Với 60% lợi nhuận

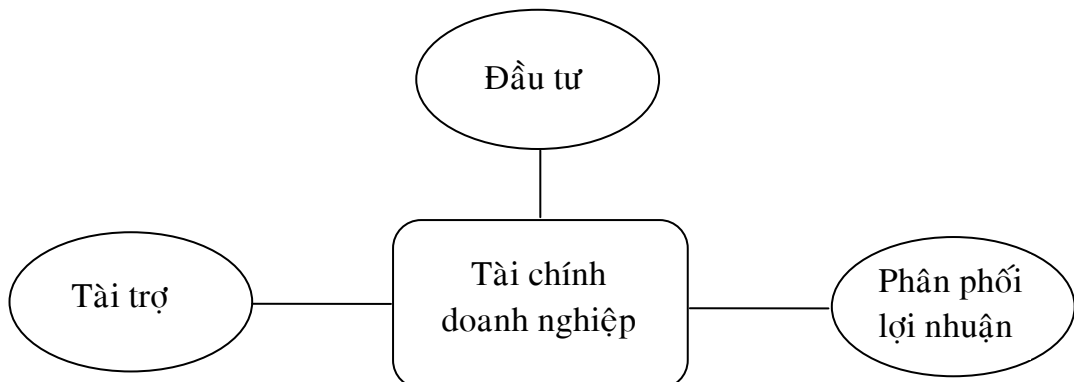
còn lại, doanh nghiệp được trích tối đa 5% nhưng không quá 200 triệu đồng trong năm để lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành cũng như trích lập 2 quỹ khen thưởng và phúc lợi tối đa không quá 3 tháng lương kèm điều kiện quy định trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước để phục vụ cho việc đầu tư các công trình giáo dục, y tế và phúc lợi xã hội.

1.5.2.5 Thực hiện giám sát và kiểm soát tài chính tại Công ty XSKT.

Hoạt động quản lý tài chính của Công ty XSKT, bên cạnh sự điều hành và quản lý trực tiếp từ nội bộ còn được đặt dưới sự quản lý, kiểm tra, giám sát thường xuyên của chủ sở hữu (UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương) và định kỳ, đột xuất của Bộ Tài chính (cơ quan quản lý về ngành nghề kinh doanh). Dưới góc độ Công ty, việc thực hiện kiểm soát tài chính nhằm thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trong thực hiện mục tiêu sử dụng có hiệu quả vốn được giao. Với góc độ quản lý Nhà nước, những quy định về cơ chế kiểm soát tài chính nhằm đảm bảo việc chấp hành chế độ quản lý tài chính của Công ty, đạt mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước.

Hoạt động tài chính trong doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm các quyết định cơ bản sau: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định phân phối lợi nhuận.

Hình 1.4 Mô hình hoạt động tài chính doanh nghiệp



Cơ chế và chính sách quản lý tài chính các Công ty XSKT đã có nhiều thay đổi, hoàn thiện, phù hợp với tình hình đổi mới kinh tế của Việt Nam. Với Nghị định 199/NĐ CP, Nghị định 30/NĐ CP và Thông tư 112/2007/TT BTC, Chính phủ đã từng bước đổi mới cơ chế tập trung, bao cấp trong các mặt quản lý tài chính của Công ty, tạo lập quyền tự chủ cao trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính, nhất là khi thực hiện chuyển đổi Công ty XSKT từ mô hình Công ty Nhà nước sang Công ty TNHH một thành viên.

1.6 Cơ chế tài chính đặc trưng trong hoạt động xổ số tại Mỹ.

Hình thành từ năm 1964 tại quốc gia có trình độ phát triển hàng đầu thế giới về kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, hoạt động xổ số tại Mỹ đã khẳng định được sự phát triển vượt trội về quy mô và phương thức tổ chức hoạt động. Cơ chế tài chính của các tổ chức xổ số tại Mỹ có những đặc trưng cơ bản.

1.6.1 Nguồn vốn.

Xổ số tại Mỹ được tổ chức và điều hành độc lập theo luật pháp mỗi bang. Nhu cầu vốn cho hoạt động được hình thành từ 2 nguồn: nhà cung cấp dịch vụ xổ số và chính quyền bang. Chính quyền không tự tổ chức mà liên kết thuê nhà cung cấp dịch vụ thiết kế trò chơi và cung cấp toàn bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Hiện nay, hàng trăm nhà cung cấp dịch vụ xổ số đang hoạt động tại Mỹ với quy mô khác nhau, trong đó có 2 tập đoàn lớn nhất là Scientific Games và GTECH. Scientific Games có doanh thu hàng năm khoảng 450 triệu đôla với 1.200 lao động chuyên cung cấp dịch vụ trò chơi cho 29 bang tại Mỹ và 50 quốc gia trên thế giới.

1.6.2 Doanh số, chi phí.

Doanh số hoạt động xổ số mỗi bang được hình thành từ hoạt động kinh doanh nhiều loại hình.

Bảng 1.5 Doanh số hoạt động xổ số tại Mỹ

Phạm vi	Doanh số (triệu USD)	Bình quân đầu người (USD)
U.S	42.927,34	123
California	2.915,90	86
Rhode Island	1.171,10	1.115
New York	4.753,62	250
Florida	2.330,36	140
Montana	33,63	37

Nguồn: [<http://www.naspl.org/rankpercap.html>]

Với hệ thống cơ sở dữ liệu được kết nối và tự động hóa, doanh số bán của mỗi loại hình xổ số từ đại lý được cập nhật liên tục về trung tâm quản lý của tổ chức xổ số bang để xác định chi phí, giá trị các giải thưởng và lợi nhuận còn lại. Tùy từng hình thức xổ số với cơ cấu giải trúng khác nhau mà đơn giá bán vé được xây dựng cũng khác nhau nhưng thường khoảng 1 đôla.

Hoạt động xổ số được vận hành bởi tổ chức xổ số và hệ thống đại lý bán lẻ trực tiếp cho người mua nên hình thành cơ cấu chi phí hoa hồng đại lý và chi phí quản lý (bao gồm cả chi phí thuê dịch vụ xổ số, chi phí quảng cáo). Phí hoa hồng căn cứ tỉ lệ % cố định trên doanh số bán của mỗi đại lý. Theo quy định, tổng các khoản chi phí không vượt quá 15% doanh số. Với cơ chế minh bạch về số liệu, các khoản chi phí phát sinh đều rõ ràng và công khai nguồn gốc.

Doanh số kinh doanh còn là cơ sở quan trọng xác định chi phí trả thưởng. Tối thiểu 45% doanh số sử dụng để trả các giải thưởng trước khi đóng góp cho các quỹ của bang. Năm 2002, tỉ lệ chi trả thưởng trung bình của hoạt động xổ số

chiếm 58%. Do quản lý được những vé đặt mua nên các tổ chức xổ số dễ dàng xác định được những người trúng thưởng cùng với tổng chi phí trả thưởng cụ thể ngay sau khi quay số mà không cần phải trích lập khoản dự phòng. Đây là một trong những ưu điểm của cách thức tổ chức hoạt động xổ số tại Mỹ.

Bảng 1.6 Chi phí trả thưởng của hoạt động xổ số tại Mỹ

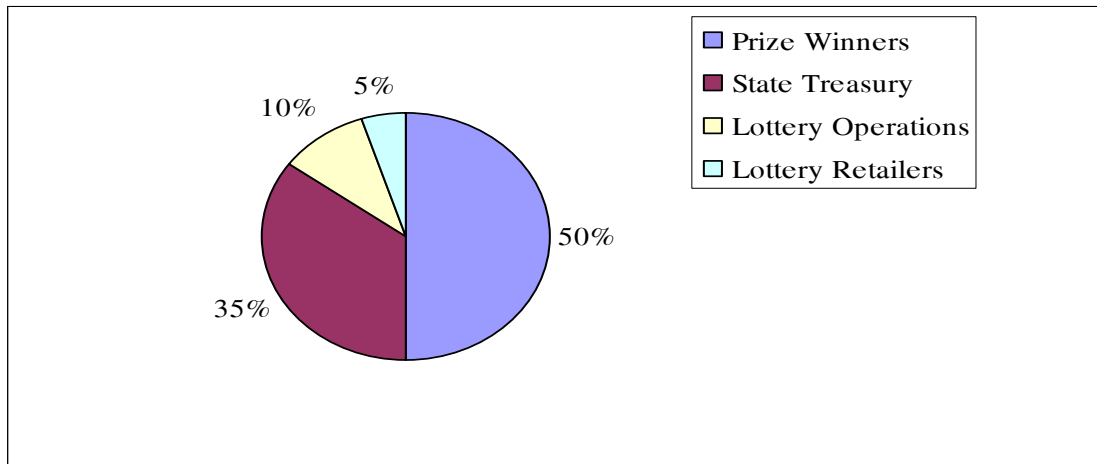
Bang	Chi phí trả thưởng (%)
Rhode Island	75,8
Massachusetts	68,9
Kentucky	61,2
New Hampshire	60,4
Ohio	53,3
Maine	53,4
Georgia	53,8
South Dakota	12,8
Delaware	21,9

Nguồn:[15]

1.6.3 Phân phối nguồn thu.

Năm 2002, xổ số tài trợ cho ngân sách bang trong việc đóng góp cho các quỹ phúc lợi xã hội đạt trung bình 36% tổng doanh số, chiếm 1,75% tổng thu ngân sách hàng năm. Mỗi bang có cách thức sử dụng cụ thể phần lợi nhuận còn lại phục vụ cho chính sách riêng theo thực tế nhu cầu của địa phương.

Hình 1.7 Tỷ lệ chung của cơ cấu tài chính hoạt động xổ số tại Mỹ



Nguồn: [15]

1.7 Bài học kinh nghiệm trong hoạch định cơ chế tài chính.

Hoạt động xổ số tại Mỹ thể hiện hiệu quả tối ưu trong việc huy động các nguồn lực khác nhau của xã hội để hình thành nguồn lực tài chính lớn thực hiện các dự án phục vụ phúc lợi xã hội. Ngay từ khi hình thành, chính quyền đã huy động được sự đóng góp vốn của các nhà đầu tư tư nhân trong việc thiết lập kết cấu hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động xổ số. Với mô hình tổ chức xổ số như hiện tại: thanh toán không dùng tiền mặt, các tổ chức xổ số không cần nhiều vốn trong quá trình hoạt động. Lượng tiền trả cho người trúng thưởng trong thời gian dài và được sử dụng từ nguồn tiền huy động từ người tham gia xổ số. Chính quyền không cần phải cung cấp nhiều vốn cho các tổ chức kinh doanh xổ số.

Doanh số bán vé được sử dụng làm cơ sở xác định các khoản chi phí: trả thưởng, hoa hồng đại lý, chi phí quản lý. Với khả năng tự động hóa cao, doanh số được xác định liên tục trên cơ sở tổng hợp số liệu bán vé từ tất cả đại lý gửi về trung tâm. Khi kết thúc đợt bán vé, các chi phí cũng được xác định. Trong cơ cấu các khoản chi phí có liên quan, chi phí trả thưởng chiếm tỉ trọng cao nhất. Việc cộng dồn giá trị giải Đặc biệt của kỳ này (nếu không có người trúng) vào kỳ sau

không làm tăng chi phí trả thưởng nhưng lại có tác dụng kích thích nhiều người tham gia, góp phần gia tăng doanh số kinh doanh vé, đảm bảo tính an toàn cho các tổ chức xổ số do loại trừ được yếu tố may rủi khi tỉ lệ bán vé thấp; từ đó đảm bảo tính ổn định của khoản đóng góp của xổ số cho phúc lợi xã hội. Cơ chế công khai chi phí, giải thưởng và khoản đóng góp cho xã hội phát huy tác dụng thông qua chính sách quảng cáo được các tổ chức xổ số sử dụng tuyên truyền rộng rãi. Các thông tin về người trúng thưởng, mức giải thưởng, những đóng góp cho xã hội của xổ số được khai thác hiệu quả nhằm tăng tính hấp dẫn và niềm tin của người dân khi tham gia xổ số. Tính minh bạch và sự hấp dẫn của hoạt động xổ số được chú trọng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1.

Trong mô hình kinh tế thị trường, lợi nhuận luôn là mục tiêu sau cùng mà nhà tư bản muốn đạt đến. Thực tế đã chứng minh rằng: các dự án phục vụ lợi ích công cộng không được nhà đầu tư tư nhân quan tâm. Trong điều kiện giới hạn về nguồn lực, Nhà nước cần khai thác kênh huy động sự đóng góp của toàn xã hội bằng việc tổ chức các trò chơi có thưởng như xổ số nhằm tạo nguồn lực tài chính cho việc đầu tư các dự án phục vụ phúc lợi và an sinh xã hội, góp phần nâng cao mức sống của người dân có thu nhập thấp và thực hiện công bằng xã hội.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC MIỀN NAM.

Cơ chế tài chính các Công ty XSKT khu vực Miền Nam phụ thuộc mô hình tổ chức hoạt động theo quy định của Bộ Tài chính.

2.1 Tổ chức hoạt động của các Công ty XSKT.

2.1.1 Hoạt động xổ số.

Theo thông tư 65/2007/TT–BTC ngày 18/6/2007, thị trường xổ số khu vực Miền Nam gồm 21 tỉnh, thành phố từ các tỉnh Bình Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước trở vào. Do mỗi địa phương đều tổ chức hoạt động xổ số nên cả 21 Công ty XSKT cùng tổ chức kinh doanh xổ số trong phạm vi thị trường chung theo chu kỳ 1 tuần–7 ngày. Mỗi Công ty quay số mở thưởng 1 lần trong tuần. Riêng Công ty XSKT Thành Phố Hồ Chí Minh được phép mở thưởng 2 lần trong tuần. Theo quy định của Bộ tài chính, lịch quay số mở thưởng của các Công ty XSKT khu vực Miền Nam được sắp xếp theo chu kỳ hàng tuần. (phụ lục 4)

Hoạt động xổ số chịu sự quản lý của nhiều cơ quan, trực tiếp là Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương cùng với các cơ quan chức năng của địa phương với góc độ là chủ sở hữu. Bộ Tài chính là cơ quan nhà nước trực tiếp quản lý hoạt động XSKT. Hội đồng XSKT khu vực Miền Nam với đại diện là Ban thường trực được bầu theo nhiệm kỳ trực tiếp quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh xổ số của khu vực theo quy định.

Mỗi Công ty XSKT thiết lập kênh phân phối riêng với mạng lưới đại lý nhiều cấp để đảm bảo cung cấp vé đến toàn thị trường. Đại lý của Công ty này cũng có thể là đại lý trực tiếp hoặc trung gian bán vé xổ số của nhiều Công ty

khác trong cả tuần và nhận hoa hồng từ nơi cung cấp trực tiếp với tỉ lệ khác nhau tùy thuộc vị trí trong kênh phân phối.

Hàng năm, Công ty XSKT xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh cụ thể dựa theo các chỉ tiêu kế hoạch được giao bởi Bộ Tài chính và địa phương; hoạt động độc lập theo sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và những quy định có liên quan của Bộ Tài chính. Nguồn thu từ xổ số đóng góp cho ngân sách địa phương để đầu tư cho y tế, giáo dục.

2.1.2 Hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số.

Công ty XSKT được phép kinh doanh trong các lĩnh vực khác như dịch vụ in ấn, nhà hàng khách sạn; kinh doanh thương mại;... Tất cả chi phí phát sinh trong kinh doanh từ những lĩnh vực này được tập trung và quản lý tại Công ty chính. Vấn đề nhân sự và kinh doanh trong mỗi lĩnh vực do một người phụ trách trực tiếp quản lý. Tuy nhiên, quyền tổ chức và điều hành chính vẫn từ Công ty.

2.2 Các sản phẩm xổ số lưu hành.

Hiện nay, có nhiều hình thức xổ số đang được kinh doanh tại Việt Nam như: xổ số truyền thống, xổ số lô tô, xổ số biết kết quả ngay và xổ số điện toán. Tuy nhiên, tùy từng khu vực theo quy định của Bộ Tài chính cũng như sự đồng thuận của Hội đồng xổ số khu vực Miền Nam, hiện chỉ có 2 loại hình xổ số đang được tổ chức kinh doanh tại khu vực Miền Nam.

2.2.1 Xổ số truyền thống.

Xổ số truyền thống: là loại hình xổ số có in sẵn trước giá vé; các chữ số, chữ cái để khách hàng lựa chọn tham gia dự thưởng. Số lượng các chữ số, chữ cái được giới hạn trong phạm vi vé số phát hành và việc xác định kết quả trúng thưởng được thực hiện sau thời điểm phát hành vé số. Người trúng thưởng là người sở hữu vé có số trùng với kết quả xổ số mở thưởng của Công ty phát hành

vé. Giá trị giải thưởng càng lớn nếu trùng càng nhiều số ứng với cơ cấu giải thưởng được công bố theo quy định. Vé số truyền thống có 2 loại:

+ Loại hình 5 chữ số: mỗi chữ số được chọn ngẫu nhiên trong bộ số từ 0 đến 9 với mệnh giá thống nhất 5.000 đồng trúng giải Đặc biệt 125 triệu đồng. Đây là hình thức xổ số được sử dụng phổ biến duy nhất trong khu vực. Do lượng phát hành lớn, mỗi đợt có hàng trăm vé trúng giải Đặc biệt nên ngoài 5 chữ số được in trên tờ vé, còn in thêm chữ số thứ 6, chữ cái để phân biệt từng vé xổ số.

+ Loại hình 6 chữ số: sử dụng chung kết quả với loại hình 5 chữ số nhưng khác nhau ở giải Đặc biệt gồm 6 chữ số trúng 1,5 tỷ đồng theo quy định. Chữ số thứ 6 cũng được chọn ngẫu nhiên trong bộ số từ 0 đến 9.

Với hình thức xổ số này, mặc dù người mua có quyền chọn số nhưng vẫn bị giới hạn trong phạm vi những số được chọn.

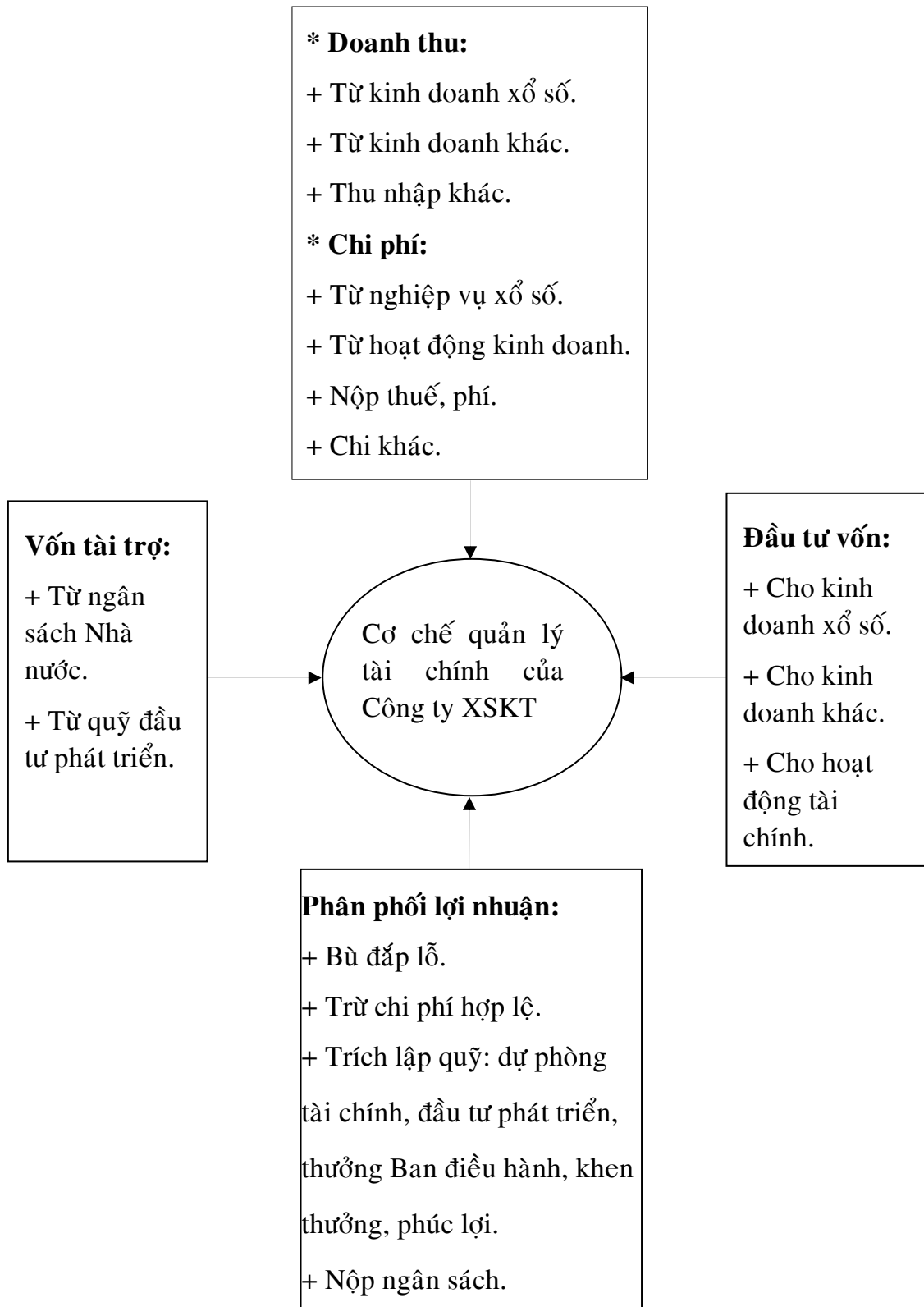
2.2.2 Xổ số biết kết quả ngay.

Xổ số bóc biết kết quả ngay là loại hình xổ số quay số mở thưởng trước. Sau khi mua vé, người mua thực hiện bóc, xé hoặc bằng các hình thức khác để mở tờ vé đối chiếu các số được in sẵn trên tờ vé với bảng kết quả xổ số do Công ty XSKT thông báo để biết được kết quả trúng thưởng hoặc không trúng thưởng. Hiện tại, đa số Công ty XSKT không tổ chức kinh doanh hình thức xổ số này do hiệu quả chưa cao do không hấp dẫn người mua.

2.3 Phân tích cơ chế tài chính Công ty XSKT khu vực Miền Nam.

Theo qui định của Thông tư 112/2007/TT BTC, Công ty XSKT có mô hình cơ chế quản lý tài chính như sau:

Hình 2.8 Mô hình cơ chế quản lý tài chính các Công ty XSKT.



2.3.1 Mô hình quản lý tài chính.

Hiện tại, cơ chế quản lý tài chính tại các Công ty XSKT vẫn theo mô hình quản lý của một doanh nghiệp độc lập. Mặc dù quyền tự chủ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được nâng cao nhưng xổ số vẫn là lĩnh vực do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Thực hiện chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên nhưng Công ty XSKT vẫn phải tuân thủ theo cơ chế quản lý tài chính đặc thù do Bộ Tài chính ban hành. Theo quy định, các Công ty XSKT được phép mở rộng ngành nghề kinh doanh ngoài xổ số nhưng từng lĩnh vực kinh doanh như thương mại, dịch vụ, đầu tư chứng khoán,... được xem là một hoạt động của doanh nghiệp. Tất cả số liệu tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh của các lĩnh vực đều phải được tập hợp chung về Công ty để hình thành kết quả hoạt động của doanh nghiệp, thực hiện cơ chế quản lý thống nhất.

2.3.2 Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2007 của Công ty XSKT được xây dựng dựa trên 2 quy chế quản lý tài chính cũ và mới với những quy định khác biệt về doanh thu và chi phí. Đối với những Công ty XSKT có tham gia kinh doanh đa ngành nghề cũng có sự khác biệt về nội dung trong báo cáo tài chính.

Thông tư 77/2005/TT-BTC ngày 13/9/2005 chỉ hướng dẫn các nội dung đặc thù về quản lý tài chính trong hoạt động kinh doanh xổ số, các hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số như: in ấn, khách sạn,... Công ty XSKT phải tổ chức hoạch toán riêng. Như vậy, Công ty XSKT Bình Dương với đặc thù tham gia kinh doanh trong lĩnh vực in ấn (vé số, bao bì, biểu mẫu cho nội bộ và cho bên ngoài), kinh doanh thương mại cho thuê mặt bằng thì phải thiết lập báo cáo tài chính riêng. Thông tư 112/2007/TT-BTC ngày 19/9/2007 lại quy định những hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực khác là một phần trong hoạt động kinh doanh của Công ty XSKT. Do đó, từ năm 2008, đối với các Công ty XSKT có tham gia kinh doanh

nhiều lĩnh vực, tất cả doanh thu và chi phí phát sinh phải được tập hợp chung trong cùng một báo cáo tài chính. Như vậy, phần doanh thu trong báo cáo tài chính phát sinh thêm nội dung doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài sổ số và mọi chi phí phát sinh trong những lĩnh vực kinh doanh khác được tập hợp thêm vào nội dung chi phí hoạt động kinh doanh. Trong điều kiện các Công ty XSKT tham gia càng nhiều lĩnh vực với quy mô càng lớn cùng với sự cách xa về địa lý làm cho chức năng phản ánh tình hình tài chính ngày càng phức tạp hơn. Đồng thời, hiệu quả kinh doanh của từng lĩnh vực không được phản ánh kịp thời trong báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính tổng hợp sẽ trở nên không phù hợp và không thể hiện đầy đủ vai trò trong việc phản ánh hoạt động kinh doanh trong tất cả lĩnh vực ngoài sổ số.

2.3.3 Hình thành nguồn vốn, tài sản.

Với những doanh nghiệp khác, nguồn vốn phục vụ kinh doanh hình thành từ 2 nguồn chính: vốn chủ sở hữu và vốn huy động. Tuy nhiên, Công ty XSKT là doanh nghiệp Nhà nước nên vốn chủ sở hữu thuộc về Nhà nước. Trước đây, do chỉ kinh doanh duy nhất trong lĩnh vực xổ số và dòng tiền vào – ra trong kinh doanh ổn định nên Công ty XSKT không có nhu cầu huy động vốn từ bên ngoài. Quá trình tích lũy vốn trong một thời gian dài vừa qua đảm bảo nhu cầu về vốn của Công ty XSKT trong giai đoạn hiện nay để đầu tư mở rộng ngành nghề. Cơ cấu vốn của Công ty XSKT được hình thành từ những nguồn:

2.3.3.1 Vốn kinh doanh.

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty XSKT hình thành từ vốn Nhà nước cấp phát khi thành lập và vốn bổ sung trong quá trình hoạt động.

Vốn Nhà nước cung cấp ban đầu hiện chỉ chiếm tỉ lệ rất nhỏ trong tổng nguồn vốn của Công ty XSKT. Hiện nay, trong tổng nguồn vốn chủ sở hữu tại các Công ty XSKT, nguồn vốn ngân sách cấp phát ban đầu chỉ chiếm khoảng 10%.

Trong quá trình hoạt động, vốn kinh doanh được bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển nhưng cần phải được sự đồng ý của chủ sở hữu và Bộ Tài chính.

2.3.3.2 Quỹ đầu tư phát triển.

Với mức trích tối thiểu 30% lợi nhuận hàng năm theo quy định, quỹ đầu tư phát triển của Công ty XSKT chiếm tỉ trọng ngày càng lớn trong tổng nguồn vốn chủ sở hữu.

Bảng 2.9 Cơ cấu vốn của Công ty XSKT An Giang năm 2007

Năm	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn đầu tư của chủ sở hữu
2005	72,5%	14,2%
2006	75,2%	13,1%
2007	78,9%	11%

Nguồn : [7]

Mặc dù tính thanh khoản của quỹ đầu tư phát triển bị hạn chế do phải được sự đồng ý của chủ sở hữu và Bộ Tài chính trước khi sử dụng nhưng đây là nguồn vốn lớn sẵn sàng bổ sung cho nhu cầu vốn của Công ty XSKT trong chiến lược đầu tư đa ngành nghề trong thời gian tới.

2.3.4 Sử dụng và quản lý vốn, tài sản.

Trong giai đoạn hội nhập kinh tế, thực hiện chủ trương nâng cao tính tự chủ của doanh nghiệp nhà nước nhằm khuyến khích loại hình kinh tế nhà nước phát triển nhằm giữ vai trò chủ đạo, Chính phủ cho phép Công ty XSKT thực hiện đầu tư đa ngành nghề ngoài lĩnh vực xổ số từ góp vốn liên doanh, đầu tư vào lĩnh vực tài chính đến đầu tư kinh doanh lĩnh vực khác. Cụ thể như: Công ty XSKT–DV Bình Dương đầu tư vào lĩnh vực in ấn, dịch vụ thương mại, kinh doanh các trò chơi có thưởng. Công ty XSKT Thành phố Hồ Chí Minh đầu tư vào lĩnh vực in ấn.

Công ty XSKT An Giang đầu tư vào công trái, trái phiếu chính phủ. Các công ty XSKT Tiền Giang, Đồng Tháp, An Giang và Công ty Liksin góp vốn thành lập Công ty TNHH Phát Tài chuyên về in ấn. Công ty XSKT Vĩnh Long đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh nhà hàng–khách sạn.

2.3.4.1 Vốn cho hoạt động xổ số.

Là lĩnh vực kinh doanh truyền thống chủ yếu, lượng vốn của Công ty XSKT dành cho hoạt động xổ số khá lớn do đặc trưng của hoạt động xổ số. Trong cơ cấu vốn dùng trong xổ số, nhu cầu vốn dùng để thanh toán các giải trúng thưởng chiếm tối đa đến 50% doanh số phát hành của mỗi đợt. Tuy nhiên, nhu cầu về phần vốn này rất cần thiết để sử dụng trong tối đa 4 tuần phát hành đầu tiên do đại lý chưa thanh toán tiền nợ tiêu thụ vé xổ số. Tuần phát hành thứ 5, nhu cầu vốn trả thưởng được bù đắp bởi dòng tiền vào do đại lý thanh toán nợ.

Ngoài ra, lượng vốn dùng trong in ấn vé xổ số chiếm khá lớn trong tổng nhu cầu vốn lưu động do thời gian in ấn, phát hành dài cũng như nhu cầu dự trữ giấy phục vụ in vé.

2.3.4.2 Vốn cho hoạt động kinh doanh khác ngoài xổ số.

Thực hiện chủ trương đa dạng hóa lĩnh vực kinh doanh, ngày càng nhiều các Công ty XSKT thực hiện đầu tư sang nhiều lĩnh vực khác ngoài xổ số như: in ấn, kinh doanh nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại,... Do đó, nhu cầu về vốn cho kế hoạch kinh doanh này ngày càng nhiều hơn. Trong những lĩnh vực trên, nhu cầu vốn cho đầu tư tài sản cố định ban đầu là chủ yếu.

Bảng 2.10 Vốn đầu tư lĩnh vực ngoài XS tại Công ty XSKT Bình Dương.

(đvt: tỷ đồng)

Giai đoạn	XSKT	In ấn
2001 – 2005	0,997	15,791

*Nguồn: [1]***2.3.4.3 Vốn cho hoạt động tài chính.**

Giải pháp đầu tư phổ biến hiện đang được các Công ty XSKT lựa chọn là đầu tư vào một số lĩnh vực tài chính thông dụng. Dòng tiền vào hiện có của Công ty XSKT được sử dụng đầu tư vào ngân hàng dưới dạng tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn tùy tính chất của từng dòng tiền. Dòng tiền là thế chấp đảm bảo thanh toán của đại lý được đầu tư có kỳ hạn 12 tháng để đạt lãi suất cao do tính ổn định cao. Ngược lại, dòng tiền từ thanh toán nợ tiền vé được đầu tư không kỳ hạn do còn được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí phát sinh, nhất là chi trả trúng thưởng hàng kỳ phát hành.

Vốn đầu tư vào tiền gửi ngân hàng sẵn sàng chuyển hóa sang các hình thức đầu tư khác như góp vốn cổ phần, đầu tư dài hạn vào công trái, trái phiếu, đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Bảng 2.11 Hoạt động đầu tư tài chính của Công ty XSKT An Giang năm 2007

(đvt: tỷ đồng)

Tiền gửi NH	Góp vốn cổ phần	Đầu tư dài hạn	Đầu tư ngắn hạn
120,438	0,5	24,25	261,189

Nguồn: [7]

2.3.5 Doanh thu từ hoạt động kinh doanh.

Mặc dù được phép tham gia kinh doanh nhiều lĩnh vực nhưng số lượng Công ty tham gia kinh doanh lĩnh vực khác ngoài xổ số cũng như số lượng các lĩnh vực tham gia kinh doanh còn rất ít. Do đó, doanh thu từ hoạt động xổ số hiện vẫn chiếm đa số trong tổng doanh thu hàng năm của các Công ty XSKT. Những quy định của Bộ Tài chính và Hội đồng xổ số khu vực về mệnh giá vé, tổng doanh số phát hành trong ngày tác động lớn đến doanh thu của các Công ty XSKT. Với mức khoán về tổng doanh số phát hành một ngày, các Công ty XSKT mở thưởng cùng ngày tự phân chia doanh số phát hành của mỗi Công ty căn cứ vào tỉ lệ tiêu thụ hiện tại của từng công ty.

Bảng 2.12 Doanh thu hoạt động xổ số của khu vực qua các năm

(đvt: tỷ đồng)

2003	2004	2005	2006	2007	Quý I/2008
11.947	15.020	17.875	19.415	20.723	6.361

Nguồn: [1,13,14]

Kinh doanh trong các lĩnh vực khác vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm nên mức độ tham gia đầu tư mở rộng còn hạn chế. Một vài Công ty mở rộng kinh doanh cũng đang trong giai đoạn đầu của chu kỳ kinh doanh nên doanh thu thực hiện còn thấp. Doanh thu của hoạt động xổ số năm 2005 của Công ty XSKT Bình Dương là 650 tỷ trong khi của ngành in và thương mại chỉ đạt 40 tỷ.

2.3.6 Chi phí hoạt động kinh doanh.

Tương ứng với cơ cấu doanh thu, chi phí cho nghiệp vụ xổ số vẫn chiếm phần lớn trong tổng chi phí hoạt động hàng năm của Công ty XSKT. Theo quy định của Bộ Tài chính, chi phí trả thưởng chiếm 50% doanh số phát hành. Tuy nhiên, do tỉ lệ tiêu thụ vé xổ số hiện chỉ đạt trung bình 40,48% (năm 2007) và 52,5% (quý I/2008) nên chi phí trả thưởng không ổn định với từng kỳ phát hành.

Bảng 2.13 Tỷ lệ chi phí trả thưởng bình quân toàn khu vực

(đvt: tỷ đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Quý I/2008
Doanh thu tiêu thụ	19.415	20.723	6.361
Chi phí trả thưởng	9.491	10.087	3.092
Tỷ lệ trả thưởng (%)	48,88	48,67	48,61

Nguồn: [13,14]

Ngoài ra, chi phí hoa hồng đại lý theo tỉ lệ 15% doanh thu tiêu thụ bắt đầu được áp dụng từ tháng 10/2007 chiếm tỉ lệ lớn trong cơ cấu chi phí hiện tại so với các khoản chi phí còn lại phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.3.7 Phân phối nguồn thu từ xổ số.

Hoạt động xổ số cung cấp cho xã hội các khoản đóng góp đáng kể phục vụ phúc lợi xã hội bên cạnh việc trích lập các quỹ đảm bảo cho hoạt động bình thường của Công ty.

2.3.7.1 Trích lập các quỹ theo quy định.

Để đảm bảo hoạt động ổn định, Công ty XSKT được trích lập các quỹ tùy theo tính chất tài trợ cho từng nội dung. Cụ thể gồm:

- + Quỹ dự phòng tài chính.
- + Quỹ đầu tư phát triển.
- + Quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành.
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Việc trích lập các quỹ trên được các Công ty XSKT thực hiện đúng theo qui định hàng năm. Quá trình tích lũy vốn của doanh nghiệp phụ thuộc nhiều vào sự gia tăng của quỹ đầu tư phát triển.

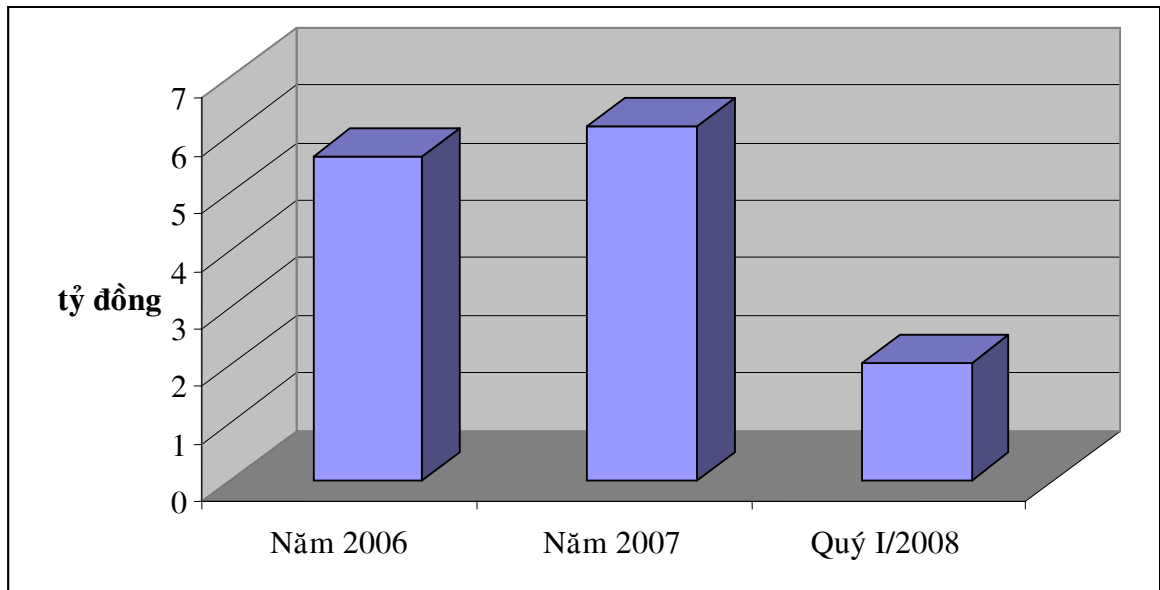
2.3.7.2 Từ lợi nhuận còn lại.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi bù đắp các khoản chi không được hạch toán vào chi phí và trích lập các quỹ phải nộp vào ngân sách Nhà nước để phục vụ cho việc đầu tư các công trình giáo dục, y tế quan trọng của địa phương.

2.3.7.3 Thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Các Công ty XSKT hiện đóng góp cho Nhà nước các khoản thuế theo quy định sau : thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh xổ số (15%); thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động kinh doanh khác (10%); thuế thu nhập doanh nghiệp (28%); thuế thu nhập của đại lý (5% hoặc 10%) và các khoản thuế, phí, lệ phí khác theo quy định.

Hình 2.14 Tình hình nộp thuế của hoạt động xổ số cả khu vực qua các năm



Nguồn: [13,14]

2.3.8 Quản lý tài sản và kiểm tra việc thực hiện cơ chế tài chính của các Công ty XSKT

Trước khi Thông tư 112/2007/TT-BTC ra đời, cách thức quản lý tài sản Nhà nước tại một số Công ty XSKT cổ tình được vận dụng tùy tiện nhằm phục vụ cho

mục tiêu cạnh tranh giành thị trường. Vé xổ số gửi đại lý bán là hình thức khác của tài sản Công ty. Theo quy định, vé số gửi bán phải được đại lý nhận bán thực hiện thế chấp đảm bảo thanh toán. Tuy nhiên, có Công ty không thực hiện quy định này trong nhiều kỳ phát hành liên tục. Đây là hình thức Công ty cho đại lý mượn tài sản lưu động với số lượng lớn nhằm cạnh tranh với Công ty mở thưởng cùng ngày. Ngoài ra, có Công ty còn thực hiện các hình thức khác như: cho mượn xe ô tô, thiết bị thông tin liên lạc, ...

Cơ chế quản lý tài sản của một số Công ty XSKT còn tùy tiện. Tuy nhiên, việc thực hiện kiểm tra và xử phạt các trường hợp vi phạm quy định quản lý tài chính tại các Công ty XSKT chưa được thực hiện nghiêm minh. Mức độ xử phạt chưa tương xứng với mức độ vi phạm làm cho những sai phạm càng lan tỏa về phạm vi và mức độ vi phạm.

2.3.9 Những nội dung cơ bản trong quản lý tài chính của Công ty XSKT Thành Phố Hồ Chí Minh.

Công ty XSKT TP.HCM là một trong những doanh nghiệp kinh doanh xổ số điển hình của khu vực và cả nước. Cũng như các Công ty XSKT khác trong cùng khu vực, Công ty XSKT TP.HCM phải tuân thủ những quy định về quản lý tài chính theo Thông tư 112/2007/TT BTC.

Nguồn vốn của Doanh nghiệp được hình thành từ sự tài trợ ban đầu của chính quyền Thành phố và có thể được bổ sung từ nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích lại hàng năm nếu phát sinh nhu cầu vốn đầu tư. Do chỉ hoạt động duy nhất trong lĩnh vực xổ số nên lượng vốn tích lũy của Doanh nghiệp đủ để đáp ứng nhu cầu vốn phát sinh mà không cần phải tìm kiếm nguồn tài trợ từ bên ngoài. Từ năm 2007, thực hiện chủ trương đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư, Doanh nghiệp đã tiến hành mở rộng đầu tư sang lĩnh vực in ấn thông qua việc tiếp quản và đầu tư vào Xí nghiệp in Tài chính. Do đó, với đặc thù của ngành in, quy mô tài sản cố

định của Doanh nghiệp gia tăng nhanh chóng với mức độ khấu hao khác nhau do sự khác biệt trong giá trị tài sản còn lại và tỉ lệ khấu hao theo quy định khác nhau giữa 2 lĩnh vực.

Theo quy định về lịch quay số mở thưởng của Bộ Tài Chính, Công ty XSKT TP.HCM là đơn vị duy nhất hiện nay được phép mở thưởng vào ngày thứ 2 và thứ 7 hàng tuần. Bên cạnh đó, Doanh nghiệp còn được thừa hưởng lợi thế tuyệt đối về thị trường tiêu thụ có quy mô lớn nhất của toàn khu vực là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Hai lợi thế này giúp Doanh nghiệp trở thành đơn vị có mức doanh thu hàng năm cao nhất khu vực.

Bảng 2.15 Tình hình kinh doanh xổ số của Công ty XSKT TP.HCM

(Đvt: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	QUÝ I/2008
Doanh số phát hành	5.000,000	1.200,000
Doanh số tiêu thụ	2.266,431	724,041
Tỉ lệ tiêu thụ	45,33%	60,34%

Nguồn: [13,14]

Lợi thế về quy mô thị trường lớn, phạm vi thị trường không rộng nên việc kiểm tra số liệu vé bán không hết được hoàn trả có thể thực hiện ngay trong ngày. Doanh thu bán vé của Doanh nghiệp được cập nhật và quản lý chặt chẽ hơn so với các Công ty XSKT còn lại. Hoạt động quản lý và thu hồi nợ tiền bán vé của đại lý được thực hiện ngay trong ngày hôm sau, khả năng bảo toàn vốn hiệu quả hơn.

Ngoài ra, lợi thế về quy mô thị trường đã giúp cho Doanh nghiệp đạt được tỉ lệ tiêu thụ cao (trên 60%), rủi ro doanh thu không đủ bù đắp chi phí trả thưởng được khắc phục.

Bảng 2.16 Cơ cấu chi phí so với doanh thu tiêu thụ

(Đvt: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	QUÝ I/2008
Chi phí trả thưởng	1.117,866	350,000
Tỉ lệ	49,32%	48,34%
Chi phí phát hành	387,375	125,506
Tỉ lệ	17,09%	17,33%

Nguồn: [13,14]

Quy mô doanh thu lớn giúp cho Doanh nghiệp trở thành đơn vị có mức đóng góp nhiều nhất cho ngân sách địa phương so với các Công ty XSKT còn lại trong khu vực.

Bảng 2.17 Mức độ đóng góp của Doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước

(Đvt: tỷ đồng)

CHỈ TIÊU	NĂM 2007	2008
Chỉ tiêu kế hoạch	455.000	600,000
Mức độ thực hiện	757,787	165,350 (quý I/2008)
Tỉ lệ (so với kế hoạch)	166,55%	27,56%

Nguồn: [13,14]

Tuy nhiên, so với tổng nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì nguồn đóng góp từ số chỉ chiếm khoảng 1,8% (năm 2006). Ngoài đóng góp cho ngân sách, kết quả từ kinh doanh số của Doanh nghiệp cũng được phân phối cho tất cả lao động với thu nhập bình quân luôn ở nhóm các Công ty dẫn đầu khu vực cũng như những hoạt động hỗ trợ cho phúc lợi xã hội khác.

2.4 Phân tích một số tồn tại, yếu kém.

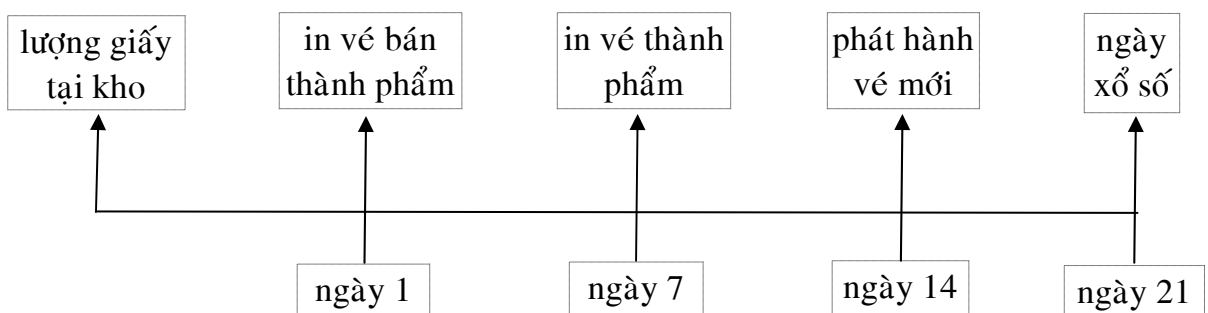
2.4.1 Cơ chế quản lý tài chính hiện tại còn bất cập.

Theo qui định, doanh thu và chi phí phát sinh trong những lĩnh vực kinh doanh khác ngoài xổ số phải được quản lý chung tại Công ty XSKT. Thực hiện qui định trên đảm bảo sự quản lý thống nhất đối với mọi hoạt động của doanh nghiệp, bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước. Tuy nhiên, khi qui mô kinh doanh của các lĩnh vực ngoài xổ số ngày càng lớn, nghiệp vụ phát sinh liên quan đến doanh thu và chi phí tại từng nơi càng nhiều hơn. Khi đó, việc luân chuyển, tập hợp chứng từ, số liệu từ các nơi về Công ty XSKT nhất định sẽ bị ảnh hưởng bởi khoảng cách địa lý hoặc công tác kiểm tra, giám sát tại Công ty không thể chặt chẽ, kịp thời. Ngoài ra, cách thức phân phối thu nhập cho người lao động làm việc trong cùng Công ty nhưng khác nhau về lĩnh vực kinh doanh được đặt ra: không thể căn cứ kết quả kinh doanh làm cơ sở phân phối vì kinh doanh xổ số có lợi thế độc quyền; cũng không thể thực hiện cào bằng vì sẽ tạo tâm lý ỷ lại cho người lao động trong lĩnh vực kinh doanh ngoài xổ số.

2.4.2 Sự lãng phí về nguồn vốn phục vụ hoạt động phát hành vé xổ số.

Hiện nay, Công ty XSKT có chu kỳ in ấn, kinh doanh vé xổ số như sau :

Hình 2.18 Chu kỳ hoạt động xổ số.



Trong cơ cấu tài chính của Công ty xổ số, một lượng lớn vốn lưu động tồn tại dưới hình thức giấy in vé số cho 9 kỳ:

+ Lượng giấy trong chu trình tương ứng 3 kỳ vé (theo trình tự trên).

+ Lượng giấy dự trữ dùng cho 2 kỳ vé.

+ Lượng giấy nhập thêm cho mỗi hợp đồng đủ để in trong hai tháng (tương ứng 8 kỳ vé) tiếp theo. Tiền giấy trả cho mỗi lần nhập (trung bình nhập hai lần cho mỗi hợp đồng) nên chi phí giấy nhập thêm tương ứng 4 kỳ vé.

Như vậy, Công ty xổ số phải dành ra 9 đồng để mua giấy nếu mỗi tờ vé số có chi phí giấy in 1 đồng.

Giả định các Công ty xổ số cùng sử dụng giấy in vé số khổ 65cm x 61cm với các tiêu chuẩn :

+ Một ram giấy gồm 500 tờ.

+ Mỗi tờ in được 40 vé.

+ Tỷ lệ bù hao giấy in vé 8%.

Bảng 2.19 Chi phí giấy in của một tờ vé số.

1 Ram giấy	Số Tờ	Số Vé	Đơn giá	Đơn giá/vé
Loại dùng in vé 5.000 đ	500	18.519	260.000 đ	14,04 đ

Nguồn: [tổng hợp]

Tổng chi phí giấy in vé số của khu vực Miền Nam gồm 21 tỉnh thành được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.20 Tổng chi phí giấy in vé số của khu vực Miền Nam.

Loại vé	Tổng số vé in trong 1 tuần	Tiền giấy của 1 kỳ	Tiền giấy của 9 kỳ	Nếu in vé 2.000đ, tiền mua giấy
5.000 đ	177,6 triệu vé	2.493,504 tr đ	22.441,536 tr đ	tăng 2,5 lần.

Nguồn: [tổng hợp từ XS Bình Dương ngày 28/7/2008]

Nếu thực hiện cơ cấu in vé 5.000đ như hiện nay, các Công ty XSKT khu vực Miền Nam phải dành trên 22 tỉ đồng trong cơ cấu vốn sử dụng để mua giấy. Hơn thế nữa, nếu chỉ in vé 2.000đ như trước đây số tiền cần phải sử dụng đến 55 tỉ đồng. Một lượng vốn lớn chỉ dùng để mua giấy phục vụ khâu in vé số không có khả năng sinh lợi hiện đang tồn tại trong ngành xổ số.

2.4.3 Hao phí nguồn lực tài chính do lượng vé phát hành lớn.

Từ năm 2007 trở về trước, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được xây dựng mỗi năm, tất cả các Công ty XSKT cùng đua nhau tăng lượng vé phát hành với tốc độ nhanh hơn nhu cầu tăng trưởng của thị trường. Kết quả tất yếu của tình trạng bội cung là tỉ lệ tiêu thụ ngày càng thấp. Tỉ lệ tiêu thụ 30% trở thành phổ biến. Hiện nay, tuy tỉ lệ tiêu thụ đã được cải thiện và đạt mức 50% song sự lãng phí giấy do in thừa vé vẫn còn và được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.21 Lượng giấy hao phí do in thừa vé.

Giấy in vé	Định lượng	Lượng vé in 1 tuần (vé)	Số ram giấy (ram)	Trọng lượng giấy in	Trọng lượng giấy trả ế
5.000 đ	65 gr/m ²	177,6 triệu	9.590	123.579 kg	58.700 kg

Nguồn: [tổng hợp]

Với giá giấy vụn 3.200đ/kg, tổng số tiền thất thoát mỗi tuần của cả khu vực do mua giấy thành phẩm in vé và bán giấy vụn từ nguồn vé số trả ế đã vô hiệu hóa được thể hiện qua bảng sau :

Bảng 2.22 Chi phí giấy thiệt hại do in thừa vé

Lượng giấy vụn	Đơn giá giấy vụn	Thu tiền bán giấy	Lãng phí tài chính 1 tuần vé
58.700 kg	3.200đ/kg	187,84 trđ	996,574 trđ

Nguồn: [tổng hợp]

Tỉ lệ tiêu thụ thấp không những gây ra sự lãng phí lớn về giấy mà còn tạo ra sự lãng phí tài chính thông qua chi phí in ấn.

Bảng 2.23 Chi phí in ấn thiệt hại do in thừa vé

Loại vé	Đơn giá công in	Lượng vé in 1 tuần (vé)	Số lượng vé trả ế (vé)	Lượng tài chính thất thoát 1 tuần
5.000 đ	15 đ	177,6 tr	84,4 tr	1.266 tr đ

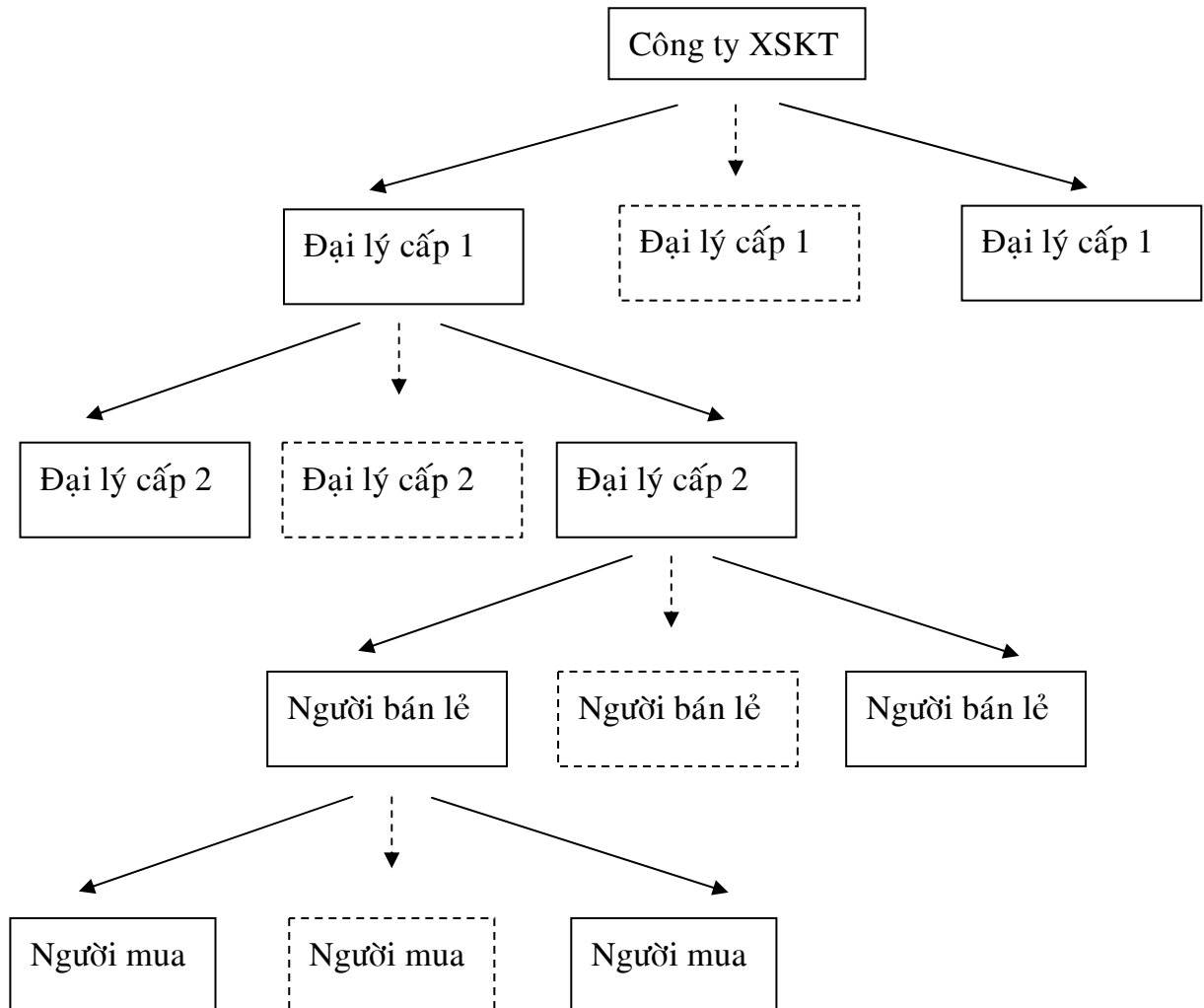
Nguồn: [tổng hợp]

Với áp lực “xổ số là nguồn thu quan trọng cho ngân sách Nhà nước” đã dẫn đến các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách được xây dựng cao, thiếu thực tế, không khả thi. Tỉ lệ tiêu thụ ngày càng giảm dần đã gây thất thoát cho Nhà Nước mỗi tuần trên 2 tỉ đồng từ chi phí giấy và công in.

Những vé số được mua nhưng sai kết quả bị vứt bỏ vương vãi. Sự lãng phí của xã hội còn phải được tính thêm vào chi phí vận chuyển trong kênh phân phối và thu hồi vé ế, chi phí quét dọn vệ sinh, thiệt hại do mất vẻ mỹ quan của đô thị.

2.4.4 Mức chi trả trúng thưởng không dự báo được.

Hình 2.24 Sơ đồ kênh phân phối



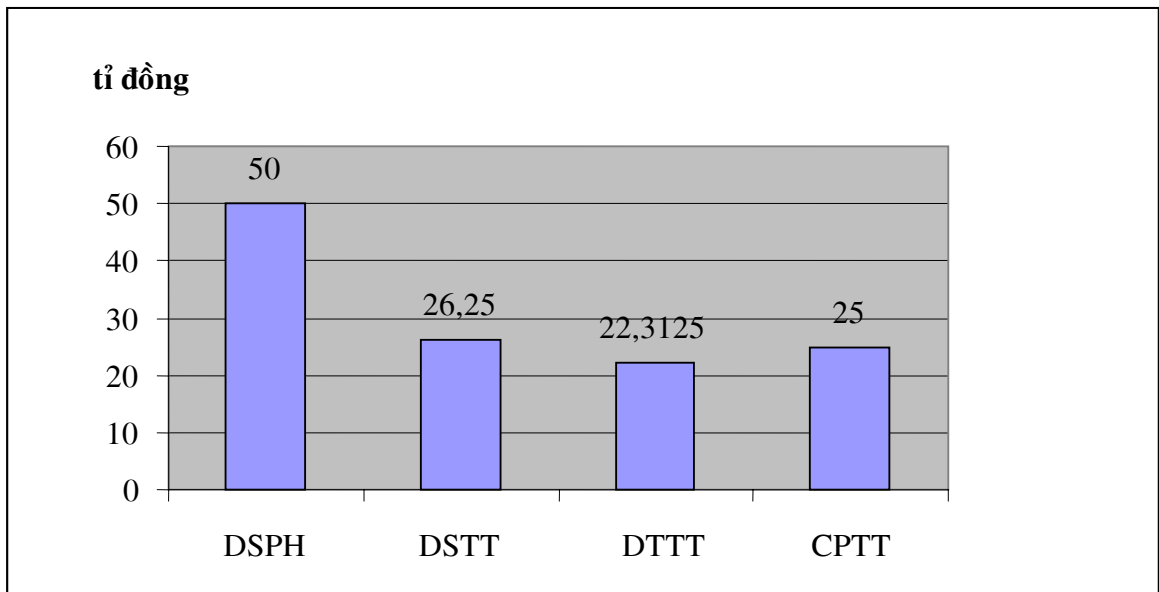
Với đặc điểm kênh phân phối gồm nhiều đại lý trung gian, có sự trao đổi vé giữa các đại lý trong cùng hệ thống phân phối cũng như ngoài kênh. Do đó, quá trình theo dõi số lượng vé trúng thưởng đối với các Công ty XSKT là không thể do không quản lý được những đại lý còn lại ngoài đại lý cấp 1. Bằng việc quy định thời hạn trả thưởng là 60 ngày kể từ ngày xổ số, Công ty XSKT chỉ có thể biết được chính xác chi phí trả thưởng của từng kỳ phát hành sau thời hạn này. Vì vậy phát sinh nghiệp vụ trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, Công ty XSKT

không thể xác định kết quả kinh doanh trong năm khi lập báo cáo tài chính cũng như không thể chủ động sử dụng nguồn vốn có hiệu quả do phải dự phòng sẵn một lượng vốn lưu động khá lớn cho trả thưởng. Thực trạng trên còn tiếp diễn nếu mô hình kinh doanh xổ số hiện tại còn sử dụng.

2.4.5 Tình hình tài chính bị ảnh hưởng do tỉ lệ tiêu thụ quá thấp.

Tỉ lệ tiêu thụ vé số thấp hình thành rủi ro thua lỗ cho Công ty XSKT.

Hình 2.25 Thuyết minh rủi ro thua lỗ



Nguồn: [tổng hợp]

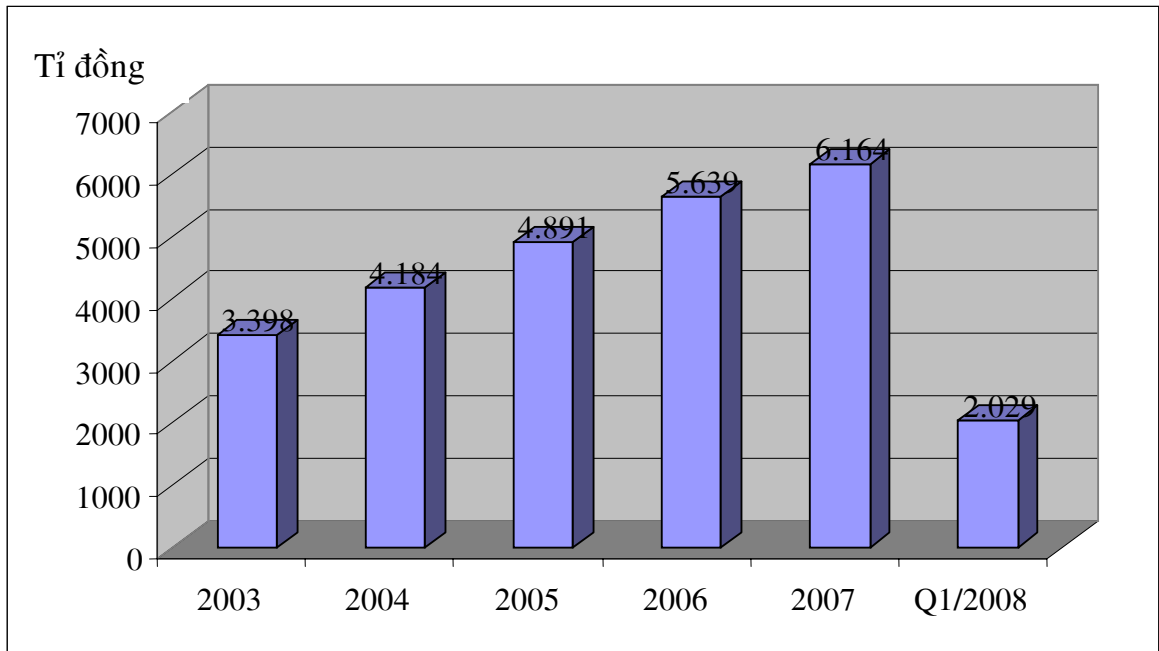
Số tiền Công ty XSKT thu được (22,3125 tỉ) có nguy cơ không bù đắp được chi phí trả thưởng (tối đa 25 tỉ) cho mỗi đợt phát hành. Chi phí trả thưởng cao hay thấp thường phụ thuộc vào kết quả xổ số đẹp hay xấu theo thị hiếu khách hàng. Tỉ lệ tiêu thụ thấp tỉ lệ thuận với rủi ro thua lỗ lớn.

2.4.6 Nguồn thu từ xổ số dành phục vụ phúc lợi xã hội chưa minh bạch.

Kết quả hoạt động trong những năm gần đây đã khẳng định vai trò và vị trí của xổ số trong nền kinh tế, xã hội của Việt Nam. Hoạt động xổ số ngày càng tăng trưởng đã củng cố hơn nữa vị trí của nó trong quá trình phát triển đất nước

và trở thành công cụ quan trọng của Nhà nước trong việc huy động sự đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình phục vụ phúc lợi xã hội.

Hình 2.26 Kết quả nộp ngân sách



Nguồn: [1,13,14]

Bảng 2.27 Tỷ trọng nộp ngân sách của xã số

Tây Ninh	Vĩnh Long	Đồng Tháp	Bạc Liêu	Bến Tre	Trà Vinh	Tiền Giang
33%	38%	25%	30%	30%	35%	29%

Nguồn: [tổng hợp]

Công ty XSKT đóng góp nguồn thu lớn cho địa phương trong xây dựng công trình phúc lợi xã hội. Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn tài chính đóng góp này của địa phương thiếu minh bạch do chưa được công bố rộng rãi. Người dân chưa thể kiểm tra mức độ hiệu quả sử dụng nguồn tài chính do xã số mang lại theo

mục đích đã công bố. Sự hoài nghi của công chúng về nguồn vốn mà họ đóng góp làm giảm khả năng thu hút người tham gia xổ số tại Việt Nam.

2.4.7 Chi phí biến động do không quản trị được rủi ro tăng giá giấy.

Chi phí giấy in vé chiếm tỉ lệ đáng kể trong chi phí kinh doanh lĩnh vực xổ số. Tổng số tiền mua giấy in vé số của khu vực Miền Nam trong 1 chu kỳ 9 tuần khoảng gần 22,5 tỉ đồng. Giá giấy in vé số trong thời gian gần đây gia tăng liên tục do chênh lệch trong quan hệ cung cầu và biến động của chi phí đầu vào của ngành giấy.

Bảng 2.28 Sự biến động của giá giấy (khổ 65x91)

Thời điểm	1/2005	3/2006	6/2007	7/2008
Đơn giá	227.000đ/ram	258.000đ/ram	284.000đ/ram	380.000đ/ram

Nguồn: [tổng hợp]

Hiện tại, hợp đồng mua giấy được thực hiện theo nhu cầu thực tế phát sinh tại những thời điểm nhất định. Các hình thức của hợp đồng mua giấy kỳ hạn, giao sau, quyền chọn nhằm giảm thiểu rủi ro tăng giá giấy cho Công ty XSKT chưa thể thực hiện do chưa có quy định hướng dẫn của Nhà nước cũng như điều kiện tiếp cận thị trường này. Do đó, chi phí giấy in vé sẽ tiếp tục biến động theo giá thị trường do các Công ty chưa thể thực hiện biện pháp phòng ngừa rủi ro.

Giấy in vé số là nguyên liệu quan trọng đảm bảo hoạt động liên tục của các Công ty XSKT với tỉ trọng chi phí đáng kể. Trong giai đoạn hội nhập, sự biến động liên tục của nền kinh tế trong nước do tác động của thế giới và chính sách điều hành vĩ mô của Chính phủ tác động lớn đến mặt hàng giấy nguyên liệu. Vấn đề đảm bảo nguồn cung cấp ổn định với giá mua vào hiệu quả nhất được đặt ra đối với tất cả Công ty XSKT. Hiện tại, Bộ Tài chính chưa ban hành văn bản liên

quan đến việc thực hiện phòng ngừa rủi ro do tăng giá giấy ảnh hưởng đến chi phí kinh doanh vé số. Bên cạnh đó, các biện pháp thực hiện phòng ngừa giấy tăng giá còn xa lạ đối với hầu hết nhà quản trị Công ty.

2.4.8 Nguồn lực lao động của xã hội chưa được sử dụng hiệu quả.

Hiện nay, lĩnh vực kinh doanh xổ số thu hút một lượng lớn lao động của xã hội. Với yêu cầu giản đơn của công việc bán lẻ vé xổ số: không cần qua đào tạo, không đòi hỏi sức khỏe, không cần nhiều vốn nhưng thu nhập cao hơn một số công việc khác cùng tính chất giản đơn trong xã hội. Lao động ngành xổ số có xu hướng thay đổi đối tượng tham gia. Ngày càng có nhiều lao động với khả năng đáp ứng yêu cầu cao hơn của những công việc khác về sức khỏe, độ tuổi nhưng vẫn chuyển sang tham gia bán vé xổ số, tạo sự cạnh tranh về lao động giữa những người mất sức lao động và không thể lao động trong những công việc khác ngoài xổ số. Hoạt động kinh doanh xổ số đã thu hút lao động của nhiều ngành nghề khác, tạo sự mất cân đối về nguồn lao động giữa các ngành nghề. Nguồn lực lao động của xã hội chưa được bố trí và sử dụng hiệu quả.

Sự tồn tại của một công việc “hấp dẫn” trong xã hội như bán vé số tạo sức ỳ trong suy nghĩ, làm giảm ý chí phấn đấu vươn lên của một bộ phận người dân. Đây là một trong những rào cản đối với phát triển của đất nước trong quá trình hội nhập.

2.4.9 Sử dụng tài sản của Nhà nước cho hoạt động cạnh tranh lẫn nhau.

Hiện tại tất cả các Công ty XSKT đều thuộc sở hữu nhà nước. Việc sử dụng nguồn lực tại các Công ty XSKT phục vụ cạnh tranh lẫn nhau là không thể chấp nhận. Theo đánh giá của Bộ tài chính trong Hội nghị tổng kết hoạt động XSKT giai đoạn 2004 – 2005: “hoạt động xổ số còn hiện tượng cạnh tranh thiếu lành mạnh như trả hoa hồng cao, chi hỗ trợ đại lý lớn sai chế độ, để đại lý nợ tiền bán vé thời gian dài,...”. Thực trạng này được chấn chỉnh bằng sự ra đời của Thông tư

112/2007 của Bộ tài chính. Tuy nhiên, tư tưởng “vận dụng linh hoạt” những quy định của Thông tư để “làm lợi cho đại lý” vẫn còn tồn tại. Thực trạng này đòi hỏi phải có sự kiểm tra, phát hiện sai phạm kịp thời và xử lý kiên quyết của Nhà nước để chấm dứt thực trạng này.

2.4.10 Mức độ và hiệu quả đầu tư mở rộng kinh doanh còn hạn chế.

Nghị định 199/2004/NĐ-CP tạo cơ sở pháp lý cho Công ty XSKT thực hiện đầu tư sang các lĩnh vực khác ngoài xổ số. Sau hơn 3 năm thực hiện chủ trương đa dạng hóa hình thức kinh doanh của Nhà nước, tình hình thực hiện mở rộng đầu tư sang các lĩnh vực khác của các Công ty XSKT chưa đạt kết quả như mong muốn. Số lượng các Công ty thực hiện mở rộng đầu tư cũng như hiệu quả đạt được còn hạn chế.

Tham gia kinh doanh lĩnh vực in ấn chủ yếu chỉ là in vé số cho chính Công ty tham gia. Phần năng lực sản xuất dư thừa dùng để in vé số các Công ty khác cũng như in gia công mẫu mã bao bì. Đây là lĩnh vực gần gũi với sản phẩm chính của Công ty. Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, phạm vi kinh doanh chủ yếu cũng chỉ là tham gia kinh doanh nhà hàng khách sạn. Đây là lĩnh vực kinh doanh đơn giản, không đòi hỏi sự phức tạp về chuyên môn kỹ thuật mà chỉ cần lượng vốn ứng ra ban đầu đủ lớn để mua sắm trang thiết bị. Cả 2 lĩnh vực kinh doanh trên có rất nhiều doanh nghiệp tham gia kinh doanh nên hiệu quả đầu tư mở rộng của Công ty XSKT chưa cao.

2.5 Nguyên nhân của những tồn tại.

Một số nguyên nhân được đúc kết từ những hạn chế tồn tại trong lĩnh vực kinh doanh xổ số của khu vực Miền Nam.

2.5.1 Hệ thống pháp luật quản lý hoạt động xổ số chưa hoàn chỉnh.

Hiện tại, cùng với đáp ứng yêu cầu luật hóa mọi sự điều hành của Chính phủ trong thời kỳ hội nhập, việc quản lý hoạt động XSKT chỉ dựa trên 3 văn bản

chính: Nghị định 30/2007/NĐ-CP cùng với Thông tư hướng dẫn 65/2007/TT-BTC và 112/2007/TT-BTC không đảm bảo khung pháp lý đầy đủ để Công ty XSKT hoạt động và phát triển vững chắc theo mục tiêu kỳ vọng của Chính phủ. Những hạn chế tồn tại phát sinh từ chính hoạt động xổ số đòi hỏi phải có nhiều văn bản pháp quy trực tiếp điều chỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động xổ số. Hơn thế nữa, chủ trương cho phép các Công ty XSKT thực hiện kinh doanh nhiều lĩnh vực chưa gắn liền với việc ban hành những văn bản hướng dẫn từ Bộ Tài chính theo hướng mở rộng tính tự chủ cho Doanh nghiệp về cơ chế quản lý tài chính khi thực hiện đầu tư đa ngành nghề. Mở rộng đầu tư vào lĩnh vực mới vấp phải sự cạnh tranh của nhiều thành phần kinh tế khác, đòi hỏi mỗi lĩnh vực kinh doanh do Công ty XSKT thực hiện cần được tách rời và được điều chỉnh bởi cùng hệ thống văn bản pháp luật thống nhất như các doanh nghiệp khác để đảm bảo tính công bằng, không hạn chế năng lực cạnh tranh của Công ty XSKT.

2.5.2 Thiếu chế tài xử lý các vi phạm.

Trong thời gian qua, tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật từ vài Công ty XSKT đã diễn ra nhưng việc xử lý chưa mang tính răn đe ngăn ngừa vi phạm tái xuất hiện. Các chế tài xử lý được ban hành nhưng chưa thể hiện chi tiết và không thích ứng với thực tế. Vì vậy mức độ xử lý còn nhẹ, chưa tương xứng với sai phạm.

2.5.3 Thiếu đồng bộ trong quản lý điều hành hoạt động xổ số giữa Bộ Tài chính và địa phương.

Với đặc thù của cơ chế quản lý hiện tại: Công ty XSKT vừa chịu sự chi phối của địa phương dưới hình thức quản lý của chủ sở hữu, vừa chịu sự quản lý của Bộ Tài chính dưới góc độ là cơ quan quản lý nhà nước. Chính sự song trùng này đôi lúc nảy sinh tình trạng không thống nhất trong quản lý của 2 chủ thể. Thông thường, địa phương có xu hướng ưu ái đối với Công ty XSKT để tạo lợi thế

cạnh tranh bất tương xứng vì lợi ích cục bộ địa phương: tăng mức đóng góp cho ngân sách địa phương từ nguồn thu xổ số. Đồng thời việc xử lý vi phạm của các Công ty XSKT cũng vấp phải sự bảo vệ của địa phương.

2.5.4 Các chỉ tiêu kế hoạch chưa hợp lý, tăng áp lực đối với Công ty.

Thực tiễn hoạt động của các Công ty XSKT khu vực Miền Nam trong thời gian qua đã bộc lộ sự bất hợp lý trong công tác giao các chỉ tiêu kế hoạch của Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trực tiếp tạo áp lực lên các Công ty XSKT trong việc phấn đấu hoàn thành kế hoạch. Để hoàn thành kế hoạch, các Công ty XSKT phải tăng lượng phát hành để tăng tuyệt đối lượng vé theo sở thích người mua đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng tuyệt đối doanh thu tiêu thụ. Việc gia tăng nhanh chóng lượng vé cung ứng vượt quá nhu cầu thị trường tất yếu làm cho tỉ lệ tiêu thụ giảm dần đến ngưỡng xuất hiện rủi ro cao cho Công ty trong thanh toán chi phí trả thưởng. Tình hình tài chính bị đe dọa khi khả năng thanh toán bị hạn chế do tình trạng thua lỗ xuất hiện.

2.5.5 Loại hình xổ số truyền thống không thích hợp với những thay đổi của xã hội.

Kinh doanh xổ số truyền thống với hình thức bán lẻ cầm tay như hiện nay đã không còn phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội. Ngày càng có nhiều khu vực cấm người bán lẻ vé số hình thành bởi Nhà nước và tư nhân. Thói quen sinh hoạt vỉa hè của người dân dần được thay thế bằng những nơi tập trung văn hóa, sang trọng hơn do thu nhập tăng cao. Phạm vi bán vé xổ số của những người bán lẻ di động bị hạn chế. Xã hội Việt Nam ngày càng văn minh khó chấp nhận tình trạng người bán lẻ vé số nhan nhản khắp nơi như hiện nay.

2.5.6 Năng lực nội tại về nhân sự và chuyên môn của Công ty XSKT chưa đáp ứng yêu cầu mở rộng kinh doanh.

Kinh doanh thời gian dài trong lĩnh vực độc quyền cùng với sự đơn giản về nghiệp vụ kinh doanh nên vấn đề nhân sự và chuyên môn nghiệp vụ tại các Công ty XSKT chưa được coi trọng. Mặt bằng trình độ của Công ty XSKT có độ tuổi trung bình cao thường thấp hơn các Công ty có tháp tuổi trẻ. Đây là sản phẩm của lịch sử để lại. Do đó, khi thực hiện đầu tư mở rộng lĩnh vực kinh doanh, vấn đề nhân sự tại các Công ty không thể đáp ứng được yêu cầu của công việc mới. Đây là trở ngại lớn đầu tiên khiến cho việc thực hiện chủ trương của Nhà nước không thể thực hiện nhanh được.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.

Sự thông thoáng hơn trong quy chế quản lý tài chính theo Nghị định 199/2004/NĐ-CP và Thông tư 112/2007/TT-BTC có thể coi là một sự đổi mới tư duy theo hướng mở rộng quyền tự chủ và tăng tính tự chịu trách nhiệm của Công ty XSKT, đã cải tiến một bước về cơ chế quản lý vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp. Điểm mới của cơ chế là quy định rõ hơn trách nhiệm của từng tổ chức, cá nhân trong việc quản lý và sử dụng tài sản, vốn Nhà nước. Việc quy định chuyển đổi các Công ty XSKT từ mô hình doanh nghiệp Nhà nước sang mô hình Công ty TNHH một thành viên làm thay đổi căn bản phương thức tác động của Nhà nước đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, năng động và hiệu quả hơn.

CHƯƠNG 3 : MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ TÀI CHÍNH CÁC CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC MIỀN NAM.

3.1 Định hướng phát triển hoạt động xổ số.

Từ những bài học kinh nghiệm được đúc kết qua nghiên cứu hoạt động xổ số tại một số quốc gia trong khu vực và thế giới, nhất là tại Mỹ – quốc gia điển hình với mô hình tổ chức hoạt động xổ số gắn liền với trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội – cho thấy xổ số tồn tại trong mỗi quốc gia và tùy từng giai đoạn phát triển của đất nước mà mô hình tổ chức và mục đích của xổ số có sự tương thích nhất định. Trong thời kỳ đầu, khi đất nước còn khó khăn về vốn, xổ số ra đời dưới mô hình thủ công thông qua mạng lưới người bán lẻ di chuyển khắp nơi, lợi nhuận thu được dùng để kiến thiết đất nước. Cùng với sự phát triển của kinh tế – xã hội, mô hình tổ chức kinh doanh thay đổi theo hướng đa dạng hóa loại hình xổ số trên cơ sở ứng dụng công nghệ tự động hóa, tăng dần mục tiêu thỏa mãn nhu cầu giải trí của người dân. Nguồn thu từ xổ số không còn quan trọng và thu hẹp trong lĩnh vực tài trợ phục vụ phúc lợi xã hội do các lĩnh vực cần đầu tư đã được thu hẹp hoặc có nguồn đầu tư khác.

Ở Việt Nam, yêu cầu đổi mới hoạt động xổ số được đặt ra để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2008; thực hiện mục tiêu tăng mức doanh thu của hoạt động giải trí có thưởng đạt tỉ trọng từ 4% đến 4,5% GDP vào năm 2010; phục vụ tốt hơn nhu cầu giải trí lành mạnh của người dân, tạo chuyển biến rõ nét trong thực hiện xóa tệ nạn cờ bạc, số đề. Nhiệm vụ trọng tâm đặt ra cho hoạt động xổ số trong thời gian tới là phải trở thành kênh đáng kể trong huy động nguồn vốn nhỏ lẻ trong dân cư để tạo lập nguồn vốn xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Ngoài loại hình xổ số truyền thống 5 chữ số đang chiếm ưu thế như hiện tại, hoạt động xổ số cần phải được phát triển bền vững trên cơ sở duy trì sự ổn định và mở rộng quy mô thị trường theo hướng đa dạng về loại hình, hiện đại về công nghệ, tạo cơ chế cạnh tranh bình đẳng

giữa các chủ thể tham gia thị trường; đảm bảo tính tập trung thống nhất về tổ chức; mở rộng từng bước hoạt động của thị trường dịch vụ kinh doanh trò chơi có thưởng trên cơ sở có sự quản lý, giám sát chặt chẽ của Nhà nước, đảm bảo nguyên tắc thận trọng, từng bước phù hợp với yêu cầu thực tế và không ảnh hưởng đến các vấn đề xã hội.

Trên cơ sở đó, kế hoạch phát triển hoạt động xổ số trong thời gian tới cần được hoạch định theo những vấn đề cơ bản sau:

3.1.1 Cấu trúc thị trường.

Cần thiết lập toàn bộ thị trường thành thực thể thống nhất, không có sự chia cắt theo địa giới hành chính. Cùng với việc tiếp tục củng cố và phát triển thị trường chung đã được thiết lập ở tất cả các khối nhằm mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng, cũng cần thực hiện mở rộng phạm vi kinh doanh ra cả nước đối với các sản phẩm mới.

Xây dựng thị trường xổ số có cơ cấu hợp lý; kết hợp hài hòa giữa các loại hình xổ số truyền thống với các loại hình xổ số mới (lô tô, điện toán) và các loại hình trò chơi có thưởng khác. Song song đó, cần tạo lập sự phát triển đồng bộ giữa thị trường xổ số với thị trường thương mại, dịch vụ du lịch và thể thao.

3.1.2 Loại hình sản phẩm.

Thực hiện đa dạng hóa các loại hình xổ số. Việc phát triển sản phẩm được thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường từng khu vực và thị trường cả nước. Tiếp tục duy trì các loại hình xổ số hiện có, đồng thời với việc đưa thêm một số loại hình sản phẩm mới vào kinh doanh như: xổ số điện toán, xổ số qua điện thoại,... Đến năm 2010, cơ cấu sản phẩm được điều chỉnh theo hướng: xổ số truyền thống và các loại hình xổ số hiện có (cào, bóc, lô tô thủ công) chiếm 65% thị phần;

các loại hình xổ số mới (điện toán, xổ số qua điện thoại) chiếm 35% thị phần còn lại.

Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh hoạt động xổ số truyền thống cho phù hợp với khả năng phát hành, nhu cầu, thị hiếu thị trường và điều kiện quản lý mới. Xác định giải pháp thu hút khách hàng, nâng cao tỉ lệ vé tiêu thụ, giảm thiểu và tiết kiệm chi phí phát hành, đưa ra thị trường phát hành các tờ vé có mệnh giá và giải thưởng phù hợp với tình hình kinh tế của từng khu vực. Trong quá trình phát triển, tiếp tục tổ chức nghiên cứu đưa ra thị trường sản phẩm xổ số truyền thống mới để tăng sức hấp dẫn.

3.1.3 Hợp tác quốc tế và hiện đại hóa công nghệ quản lý.

Mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế nhằm tận dụng công nghệ và học tập kinh nghiệm phát triển; từng bước nghiên cứu ứng dụng các loại hình xổ số mới vào điều kiện thực tế của Việt Nam. Tích cực tìm kiếm và chủ động đề xuất các chương trình hỗ trợ kỹ thuật với phía nước ngoài. Cử đại diện tham gia các tổ chức quốc tế khu vực và thế giới.

Đổi mới phương thức và công nghệ quản lý, giám sát; thay công nghệ quay số mở thưởng thủ công như hiện tại bằng thiết bị hiện đại; tăng cường công tác quản lý và từng bước tự động hóa công tác thu hồi và tiêu hủy vé ế. Trang bị, phát triển hệ thống máy móc thiết bị hiện đại, bao gồm cả phần mềm cho các loại hình xổ số điện toán, điện tử; trang bị cơ sở vật chất cho việc phát triển các hoạt động vui chơi có thưởng.

3.2 Hoàn thiện cơ chế tài chính các Công ty XSKT.

3.2.1 Mô hình quản trị tài chính.

3.2.1.1 Chuyển đổi Công ty XSKT sang hình thức Công ty TNHH một thành viên theo mô hình công ty mẹ – công ty con.

Kinh doanh xổ số là lĩnh vực nhạy cảm ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của xã hội. Do đó, Nhà nước thống nhất trực tiếp tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động xổ số và đồng thời sử dụng nguồn thu từ xổ số phục vụ phúc lợi xã hội. Ở Mỹ, công ty tư nhân cũng chỉ được tham gia cung cấp các dịch vụ phục vụ cho hoạt động xổ số cho chính quyền mỗi bang. Lĩnh vực kinh doanh xổ số của Việt Nam được tái khẳng định là lĩnh vực Nhà nước độc quyền kinh doanh.

Việc thực hiện chuyển đổi các Công ty XSKT từ cơ chế quản lý doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty TNHH một thành viên nhà nước đã duy trì vai trò độc quyền của Nhà nước trong kinh doanh xổ số. Đồng thời thể hiện sự thay đổi cơ bản trong cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp theo hướng nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn Nhà nước trong kinh doanh. Qua đó góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của thành phần kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần trong giai đoạn hội nhập thế giới hiện nay của Việt Nam. Sự đổi mới căn bản được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.29 So sánh sự khác biệt giữa DNNN và công ty TNHH một thành viên.

Nội dung	Doanh nghiệp nhà nước	Công ty TNHH một thành viên
Văn bản pháp luật điều chỉnh.	Luật doanh nghiệp nhà nước.	Luật doanh nghiệp.
Mục đích kinh doanh.	Thực hiện chủ trương của nhà nước.	Vì lợi nhuận.
Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.	<p>Ảnh hưởng nhiều bởi sự can thiệp của nhà nước.</p> <p>Quyền tự chủ trong kinh doanh bị hạn chế. Không được chủ động trong mua bán tài sản, quyết định đầu tư.</p> <p>Giới hạn ngành nghề phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ được phân công.</p> <p>Chưa thực hiện chế độ báo cáo tài chính nghiêm túc.</p>	<p>Ít bị ảnh hưởng hơn.</p> <p>Quyền tự chủ trong kinh doanh được mở rộng. Được chủ động trong mua bán, quyết định đầu tư tài sản có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp.</p> <p>Chủ động đăng ký doanh các ngành nghề.</p> <p>Thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo định kỳ.</p>
Hội đồng quản trị.	Không có quyền hành thực sự.	Trực tiếp điều hành và quản lý mọi hoạt động kể cả thuê Giám đốc.
Chủ sở hữu	<p>Có nhiều cơ quan đại diện.</p> <p>Không qui định rõ quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu.</p>	<p>Chỉ có 1 tổ chức đại diện.</p> <p>Qui định rõ quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu.</p>

Qua trên cho thấy, quyền sở hữu, quyền chiếm hữu và quyền sử dụng vốn, tài sản của chủ sở hữu đã được tách rời rõ ràng. Nhà nước với vai trò là chủ sở hữu vốn trong các Công ty XSKT đã mạnh dạn giao vốn cho doanh nghiệp kinh doanh xổ số nắm giữ và tự chủ trong việc sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số. Quyền mua sắm tài sản, đầu tư vào các dự án cũng được chủ sở hữu qui định cho từng đối tượng tương ứng với qui mô và mức độ đầu tư cụ thể. Vai trò của chủ sở hữu được thể hiện thông qua hoạt động giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc chuyển đổi cũng đã xác lập trách nhiệm của Nhà nước là hữu hạn trên lượng vốn, tài sản nhất định thay cho trách nhiệm vô hạn như trước đây.

Ngoài ra, với việc chuyển đổi sang hình thức Công ty TNHH một thành viên, quyền chủ động của doanh nghiệp trong quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh ngoài xổ số cũng được nâng cao cùng với chủ trương khuyến khích mở rộng lĩnh vực đầu tư của chủ sở hữu. Định hướng phát triển Công ty XSKT theo mô hình công ty mẹ – công ty con cần phải được trở thành hiện thực khi qui mô các lĩnh vực tham gia kinh doanh ngày càng phát triển. Song song với việc độc lập đầu tư thì xu hướng liên doanh góp vốn với những doanh nghiệp có năng lực về chuyên môn, kỹ thuật là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Kinh doanh trên nhiều lĩnh vực với nhiều đối tác tham gia đòi hỏi phải tách rời từng lĩnh vực như một thực thể độc lập với tư cách pháp nhân và cơ chế quản lý tài chính riêng biệt nhằm thích ứng với qui mô và tính chất của từng doanh nghiệp con. Công ty XSKT đầu tư vốn cho các công ty con ứng với từng lĩnh vực kinh doanh và đồng thời qui định về tỉ lệ lợi nhuận phân phối phải nộp về công ty mẹ.

3.2.1.2 Thành lập Công ty XSKT quốc gia.

Song song với hệ thống các Công ty XSKT kinh doanh loại hình xổ số truyền thống vận hành theo cơ chế tài chính hiện tại, Việt Nam cần thiết phải thành lập Công ty xổ số quốc gia vận hành theo cơ chế tài chính riêng để thực hiện kinh doanh các loại hình sản phẩm xổ số hiện đại có phạm vi thị trường kinh doanh toàn quốc như xổ số điện toán, xổ số qua điện thoại,... Công ty xổ số quốc gia thành lập trên cơ sở huy động vốn đầu tư của các công ty XSKT và lợi nhuận phân phối trên tỉ lệ vốn góp. Công ty XSKT các tỉnh vừa là cổ đông góp vốn, vừa là đại lý cho công ty xổ số quốc gia trong việc kinh doanh loại hình xổ số mới tại địa phương nếu thị trường có nhu cầu. Ngoài ra, Công ty xổ số quốc gia cũng cần liên kết với công ty cung cấp dịch vụ xổ số đa quốc gia nhằm khai thác ưu thế về kỹ thuật và trình độ kinh doanh xổ số sẵn có và thanh toán một khoản chi phí nhất định theo thỏa thuận. Với mô hình tổ chức như trên đòi hỏi Công ty xổ số quốc gia phải hoạt động độc lập theo cơ chế tài chính riêng để phù hợp với tính chất sản phẩm và hình thức liên kết. Trong tương lai, mô hình Công ty xổ số quốc gia sẽ thay thế dần các Công ty XSKT kinh doanh sản phẩm xổ số truyền thống như hiện nay.

Với những mô hình tổ chức trên đòi hỏi phải có những giải pháp đổi mới trong chính sách, cơ chế quản lý tài chính trong thời gian tới.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện cơ chế tài chính.

3.2.2.1 Đẩy mạnh đầu tư vốn tích lũy.

Nguồn vốn khá lớn của Công ty XSKT sẽ được sử dụng hiệu quả hơn trong thực hiện mở rộng đầu tư, đổi mới loại hình kinh doanh xổ số. Với quỹ đầu tư phát triển được trích lập hàng năm, nguồn vốn kinh doanh của Công ty XSKT được tích lũy nhanh chóng. Một lượng vốn lớn đáng kể của nhiều Công ty hiện đang trong trạng thái nhàn rỗi và được đầu tư dưới dạng tiền gửi tại các ngân

hàng để hưởng lãi. Mặc dù lãi suất tiền gửi tương đối cao 1,575%/tháng (tháng 8/2008) nhưng đây là hình thức đầu tư kém hiệu quả mặc dù mức độ an toàn cao. Cùng với sự phát triển ổn định của nền kinh tế khi chính sách điều tiết vĩ mô của Chính phủ đạt kết quả như mong muốn, chi phí cơ hội trong sử dụng vốn giảm cùng với lãi suất tín dụng.

Về phía doanh nghiệp, với kinh nghiệm trong kinh doanh cùng với chủ trương khuyến khích của Nhà nước, các doanh nghiệp kinh doanh xỏ số cần chủ động đầu tư trực tiếp vào những lĩnh vực có lợi thế so sánh về tỉ suất sinh lợi cũng như phù hợp với khả năng của doanh nghiệp và định hướng phát triển của địa phương. Khu vực Miền Đông Nam Bộ có lợi thế trong phát triển công nghiệp và dịch vụ trong khi khu vực đồng bằng sông Cửu Long có lợi thế về nuôi trồng và chế biến sản phẩm nông nghiệp. Với chủ trương tập trung đầu tư vào những lĩnh vực nhất định của mỗi địa phương, hoạt động tham gia đầu tư của Công ty XSKT góp phần phát triển kinh tế của địa phương. Ngoài ra, Công ty còn có thể xác định lĩnh vực đầu tư ngoài địa phương nhưng có tỉ suất sinh lợi tối ưu. Bên cạnh đó, với cơ chế thông thoáng hơn trong quản lý xỏ số, các Công ty có thể phát triển thêm các loại hình xỏ số mới như xỏ số điện toán,...

Hoạt động mở rộng đầu tư của các Công ty XSKT có thể thực hiện dưới 3 hình thức: trực tiếp kinh doanh, tham gia thành lập liên doanh và đầu tư vốn với cổ phần chi phối. Trong những hình thức trên, hoạt động tham gia thành lập liên doanh cùng với các doanh nghiệp có vốn Nhà nước thể hiện sự vượt trội hơn vì đã kết hợp lợi thế vốn đầu tư của Công ty với trình độ chuyên môn kỹ thuật của các đối tác. Ngoài ra, với hình thức liên doanh, các vấn đề về quản lý tài sản của Công ty, trích lập quỹ trong phân phối lợi nhuận của liên doanh,... được thực hiện thuận tiện hơn, tăng tính chủ động cho liên doanh do chỉ chịu sự chi phối của Luật doanh nghiệp. Công ty XSKT cần phải được chủ động lựa chọn lĩnh vực,

hình thức đầu tư phù hợp với năng lực quản lý nhằm khai thác tốt nhất nguồn vốn của doanh nghiệp, đạt mục tiêu hiệu quả trong sử dụng vốn.

Bên cạnh đó, cách thức quản lý và thu hồi vốn cũng cần được thiết lập. Sau khi giao vốn đầu tư, Công ty cần cử đại diện tham gia liên doanh đối với những liên doanh quan trọng hoặc qui định về chế độ báo cáo tài chính của liên doanh phải gửi về Công ty. Kiểm soát chặt vốn đầu tư đảm bảo chức năng quản lý vốn của doanh nghiệp. Thỏa thuận về tỉ lệ phân chia lợi nhuận cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu bảo toàn và phát triển vốn.

Về phía Nhà nước, để góp phần giúp Công ty XSKT tăng cường đầu tư vốn, các cơ quan quản lý hoạt động xổ số cần tạo môi trường đầu tư thuận lợi cũng như nhanh chóng phê duyệt các dự án đầu tư nhằm đưa nhanh vốn vào kinh doanh.

Ngoài ra, một lượng vốn lớn hiện hữu trong in ấn sản phẩm do đặc trưng của kênh phân phối loại hình xổ số truyền thống. Để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư này chỉ có thể được thực hiện thông qua thay đổi sản phẩm xổ số mà cụ thể là tổ chức kinh doanh xổ số điện toán.

3.2.2.2 Tăng cường quản lý bảo toàn vốn tài sản trong kinh doanh xổ số truyền thống thông qua thế chấp.

Sản phẩm vé số thành phẩm có tính thanh khoản cao trong lưu thông. Đại lý xổ số có thể sử dụng sản phẩm vé số hiện có để bán, tặng, trao đổi với sản phẩm vé số khác. Với khả năng chuyển đổi thành tiền, vé số có thể được xem là vốn kinh doanh của Công ty XSKT. Do phạm vi thị trường kinh doanh rộng trong toàn khu vực Miền Nam, kênh phân phối qua nhiều tầng nấc đại lý trung gian nên các Công ty XSKT phải phân phối vé cho đại lý trực tiếp trước khoảng 7 ngày tính từ ngày xổ số. Để đảm bảo thanh toán, Công ty XSKT yêu cầu đại lý phải thế chấp với tổng giá trị tối thiểu tương ứng với tổng giá trị vé số đã nhận.

Đây là qui định bắt buộc góp phần giúp Công ty bảo toàn vốn, tránh rủi ro từ đại lý. Trong thực tế, để gia tăng lợi thế cạnh tranh, vài Công ty XSKT đã không tuân thủ đúng nguyên tắc thế chấp bảo toàn vốn theo qui định. Cụ thể như tỉ lệ thế chấp so với giá trị vé nhận bán đạt thấp hơn 100% hoặc công tác định giá tài sản thế chấp chưa chặt chẽ hoặc vượt chuẩn qui định. Do đó, vấn đề đảm bảo thế chấp trong thực hiện cơ chế quản lý vốn phải được tất cả Công ty XSKT đặt lên hàng đầu.

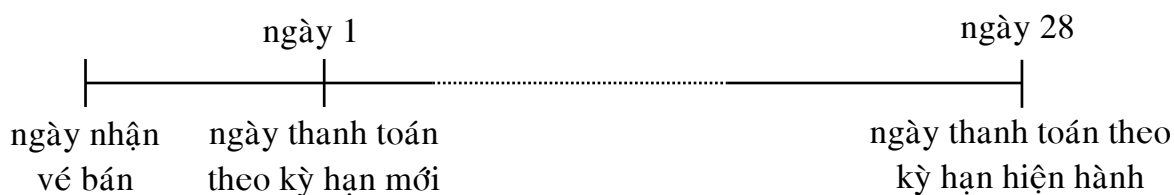
3.2.2.3 Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong kinh doanh xổ số truyền thống thông qua rút ngắn kỳ hạn thanh toán nợ.

Trong cơ cấu vốn lưu động của tất cả các Công ty XSKT, khoản nợ phải thu từ hệ thống đại lý thông qua việc bán vé xổ số chiếm đa số tuyệt đối. Dòng tiền vào quan trọng duy nhất này dùng để bù đắp các chi phí phát sinh cũng như thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước. Trong đó, bù đắp chi phí trả cho người trúng thưởng là chủ yếu và cấp thiết. Để đảm bảo các khoản nợ được thu đúng tiến độ, vấn đề quan trọng đầu tiên là tất cả các Công ty XSKT phải tuân thủ nghiêm chỉnh quy định của Bộ Tài Chính về kỳ hạn thu nợ tối đa 28 ngày kể từ ngày đại lý nhận vé bán. Việc thực hiện đúng quy định này sẽ giúp cho nhà quản trị tài chính có cơ sở quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch tài chính, nhất là hoạch định các dòng tiền vào – ra của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, việc tuân thủ quy định về thời hạn thu nợ đảm bảo cho Công ty trong công tác thu hồi vốn. Đây là cơ sở giúp cho Công ty thực hiện nhiệm vụ bảo toàn và khai thác có hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước.

Tuy quy định “mở” về kỳ hạn thu nợ – tối đa 28 ngày – nhưng việc kéo dài thời hạn thu nợ tiền bán vé chỉ làm lợi cho cá nhân đại lý xổ số trong việc chiếm dụng vốn Nhà nước, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty XSKT chưa được nâng

cao. Trong khi thực tế giao dịch giữa người mua và người bán vé số là thanh toán ngay bằng tiền mặt. Do đó, hoạt động thanh toán trong mạng lưới tiêu thụ vé số giữa đại lý cấp 1 – các đại lý trung gian – người bán lẻ hoàn toàn có thể thực hiện trong ngày. Trên cơ sở đó, tất cả các Công ty XSKT trong cùng khu vực cần đồng loạt rút ngắn dần thời gian thu nợ tiền vé tiến về kỳ hạn thanh toán 1 ngày. Việc quy định về quản lý thu hồi vốn lưu động này sẽ tạo điều kiện cho Công ty nâng cao đáng kể lượng vốn phục vụ cho hoạt động đầu tư vào những dự án có hiệu quả hơn.

Hình 3.30 Biểu thời gian về kỳ hạn nợ



3.2.2.4 Đổi mới cơ chế quản lý doanh thu, chi phí.

Cơ chế quản lý doanh thu – chi phí tại Công ty XSKT theo quy định chưa phù hợp khi vận dụng trong thực tế, nhất là khi Công ty tham gia kinh doanh nhiều lĩnh vực với qui mô lớn dần. Vì thế cần tách biệt cơ chế quản lý doanh thu, chi phí áp dụng trong các lĩnh vực kinh doanh khác ra khỏi sổ số như những thực thể độc lập theo mô hình công ty mẹ – công ty con. Mỗi công ty con vận hành theo một cơ chế quản lý doanh thu, chi phí riêng phù hợp với lĩnh vực tham gia kinh doanh và tính chất sở hữu.

Trong hoạt động kinh doanh sổ số truyền thống như hiện nay, doanh thu từ sổ số chưa thể xác định chính xác ngay sau thời điểm hoàn tất công việc thu hồi vé bán không hết. Thời điểm xác định doanh thu thường trễ hơn 1 tuần sau ngày

xổ số. Hạn chế không thể khắc phục này của loại hình xổ số truyền thống ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động quản lý doanh thu của doanh nghiệp. Để giảm thiểu tác động, tại những điểm thu hồi vé, các Công ty XSKT cần sử dụng công nghệ tin học và mạng Internet trong nhập liệu số lượng vé hoàn trả tạm nhận và gửi thông tin đến Công ty. Khi đó, Công ty có thể quản lý doanh thu tiêu thụ của mỗi đại lý ngay sau khi mở thưởng.

Ngoài ra, những chi phí nghiệp vụ kinh doanh xổ số truyền thống cũng cần phải được quản lý chặt chẽ, giảm chi phí không hợp lý nhằm gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

*** Giảm thiểu chi phí giấy và in ấn thông qua giảm lượng vé phát hành.**

Bảng 3.31 Chi phí tiết kiệm do giảm lượng vé phát hành

(đvt: tỷ đồng)

Nội dung	Số liệu
Nhu cầu tiêu thụ bình quân 1 tuần	489,336
Doanh số phát hành 1 tuần	932,068
Giá trị vé phát hành cần điều chỉnh giảm	442,732
Chi phí giấy tiết kiệm	1,212
Chi phí in ấn tiết kiệm	0,974
Tổng chi phí tiết kiệm sau điều chỉnh	2,186

Nguồn: [tổng hợp]

Quy định giới hạn tổng lượng vé phát hành trong 1 ngày đã gia tăng tỉ lệ tiêu thụ so với trước nhưng qui định điều chỉnh lượng vé phát hành theo sát nhu cầu của thị trường cần phải được tiếp tục thực hiện.

*** Tiết kiệm chi phí bằng thực hiện giao dịch phái sinh.**

Giấy in vé số là nguyên liệu quan trọng đảm bảo hoạt động liên tục của các Công ty XSKT với tỉ trọng chi phí đáng kể. Vấn đề đảm bảo nguồn cung cấp ổn định với giá mua hiệu quả nhất được đặt ra đối với tất cả Công ty XSKT. Trong cơ cấu giá giấy nguyên liệu, giá giấy cuộn do nhà máy giấy sản xuất chiếm tỉ trọng chủ yếu bên cạnh các chi phí cắt gia công, hao hụt, vận chuyển,... Các hợp đồng mua giấy dài hạn hiện nay chỉ đạt được mục tiêu ổn định nguồn cung cấp trên cơ sở giá mua phụ thuộc biểu giá công bố của nhà sản xuất.

Thị trường các sản phẩm phái sinh ở Việt Nam đang trong giai đoạn đầu hình thành. Hiện chỉ có sàn giao dịch cà phê đã được thành lập vào đầu tháng 9/2008, theo sau sự ra đời của sàn giao dịch vàng. Mặc dù vậy, hợp đồng kỳ hạn trong giao dịch giấy có điều kiện hình thành do xuất hiện nhu cầu của bên mua lẫn bên bán. Việc ký hợp đồng kỳ hạn giúp Công ty XSKT ổn định được chi phí nguyên liệu giấy in vé xổ số, chủ động hơn trong đánh giá chính xác hiệu quả kinh doanh. Chi phí cho giấy nguyên liệu có thể tiết kiệm được 10% do loại trừ được yếu tố tăng giá đột biến.

*** Triệt tiêu hao phí giấy in vé do khai thác loại hình xổ số mới.**

Xổ số điện toán và tham gia xổ số qua điện thoại bằng tin nhắn là 2 loại hình xổ số mới thể hiện tính ưu việt trong tiết kiệm vốn kinh doanh. Với xổ số điện toán, đại lý xổ số chỉ sử dụng giấy để in những số mà khách hàng lựa chọn như là một bằng chứng bảo đảm. Do đó, xổ số điện toán tiết kiệm chi phí trong các khâu nhập giấy, in ấn và phát hành. Hình thức tham gia xổ số qua điện thoại bằng tin nhắn không sử dụng giấy in vé. Công ty xổ số quản lý các số được khách hàng lựa chọn cho riêng từng người theo số điện thoại và số chứng minh đăng ký. Sau khi tham gia, người mua nhận và lưu giữ tin nhắn phản hồi như bằng chứng thể hiện sự thừa nhận giao dịch giữa Công ty XSKT đối với người mua. Vận dụng 2 hình thức xổ số này sẽ sớm mang lại lợi ích cho Công ty XSKT trong chi phí và vốn kinh doanh.

Bảng 3.32 Chi phí giấy tiết kiệm do khai thác loại hình xổ số mới.

(đvt: tỷ đồng)

Nội dung	Số liệu
Doanh số phát hành bình quân 1 tuần của khu vực	932,068
Lượng giấy sử dụng (ram)	6.711
Chi phí giấy in vé	2,520
Tổng chi phí trong khâu in vé và phát hành (5 tuần)	12,600

Nguồn: [tổng hợp]

Với việc áp dụng hình thức xổ số mới, hoạt động xổ số khu vực tiết kiệm được chi phí giấy in hàng tuần cho xã hội đến 12,6 tỉ đồng.

3.2.2.5 Minh bạch hóa trong phân phối lợi nhuận.

Công ty XSKT thuộc sở hữu Nhà nước nên lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ thuộc về Nhà nước. Hiện tại, nguồn thu từ xổ số chỉ dùng để tài trợ cho lĩnh vực y tế và giáo dục. Với chủ trương trên, khi xây dựng chỉ tiêu nộp ngân sách hàng năm, Bộ Tài chính và chính quyền địa phương nên cụ thể hóa bằng số lượng các dự án đầu tư cụ thể cho y tế, giáo dục sẽ được thực hiện trong năm sau với dự toán cụ thể. Bên cạnh đó, kết quả sử dụng nguồn thu từ xổ số của năm trước cũng cần phải được công khai cùng chất lượng của những công trình đầu tư nhằm nâng cao hiệu quả trong phân phối lợi nhuận từ xổ số. Minh bạch hóa sử dụng nguồn thu từ xổ số là yêu cầu của toàn xã hội.

3.3 Nhóm giải pháp hỗ trợ từ Nhà nước.

Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện những quy định trong quản lý tài chính các Công ty XSKT nhằm tạo hành lang pháp lý cần thiết cho việc vận hành hoạt động xổ số tại Việt Nam theo đúng hướng đã hoạch định.

3.3.1 Hoàn chỉnh hệ thống văn bản về cơ chế quản lý tài chính đối với Công ty XSKT.

Các Công ty XSKT hiện nay chịu sự giám sát, kiểm tra trực tiếp của địa phương trên cơ sở những quy định quản lý tài chính của Bộ Tài chính. Sự kết hợp quản lý đồng bộ giữa địa phương và Bộ Tài chính hiện vẫn còn tồn tại ở nhiều mức độ khác nhau là một trong những nguyên nhân khiến cho việc tuân thủ cùng một cơ chế tài chính của các Công ty XSKT chưa đồng nhất, làm cho hoạt động xổ số của khu vực Miền Nam nói riêng và cả nước nói chung còn tồn tại dấu hiệu của sự phát triển không ổn định. Mức độ ưu ái khác nhau của mỗi địa phương dành cho Công ty XSKT đã tạo ra sự khác biệt nhất định trong quản lý tài chính của từng Công ty và trực tiếp ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh. Trước thời điểm tháng 10/2007, tình trạng vi phạm cơ chế quản lý tài chính diễn ra khá phổ biến do những quy định của Thông tư 77 chưa rõ ràng. Các sai phạm thường thấy trong thực hiện chính sách quản lý doanh thu, các khoản thu - chi đối với đại lý, quản lý vốn và tài sản của Công ty trong phân phối sản phẩm vé số. Thông tư 112 ra đời với những nội dung quy định về quản lý tài chính đã chặt chẽ hơn, hạn chế nhiều sai phạm kể trên. Tuy nhiên, việc tuân thủ cơ chế quản lý tài chính theo Thông tư 112 của một vài Công ty XSKT vẫn chưa đồng nhất với đa số còn lại. Mức độ thể chấp đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý trong thực hiện cơ chế quản lý vốn của vài Công ty vẫn còn khác biệt. Hình thức thể chấp bằng bất động sản nhưng vẫn phát sinh lãi. Quy định về quản lý chi phí còn chưa chi tiết nên việc vận dụng “linh hoạt” để có lợi hơn cho đại lý vẫn còn diễn ra. Hơn thế nữa, những quy định trong Thông tư 112/2007/TT-BTC về quy chế quản lý tài chính áp dụng chung cho cả 2 lĩnh vực là xổ số và hoạt động kinh doanh khác hiện chưa rõ ràng. Công tác quản lý doanh thu chi phí của Công ty không thể chặt chẽ và kịp thời trong các lĩnh vực kinh doanh ngoài xổ số. Hoàn chỉnh hệ thống

văn bản theo hướng chi tiết hóa quy định trong mọi tình huống phát sinh, nâng cao tính chủ động cho doanh nghiệp sẽ góp phần minh bạch hóa hoạt động tài chính của xổ số, nâng cao hiệu quả quản lý vốn của Nhà nước tại các Công ty XSKT.

Mặc khác, trong quá trình thực hiện chủ trương đầu tư kinh doanh đa ngành nghề của Công ty XSKT cần phải xây dựng hệ thống quy định quản lý tài chính riêng cho mỗi lĩnh vực tham gia nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động thích ứng với quy mô kinh doanh hiện tại cũng như khả năng phát triển mạnh trong tương lai. Thật vậy, xổ số là lĩnh vực kinh doanh độc quyền của Nhà nước. Do đó, cần phải có cơ chế tài chính riêng để áp dụng cho hoạt động xổ số, nhất là quy định về phân phối thu nhập và kiểm soát việc thực hiện cơ chế quản lý doanh thu chi phí. Tuy nhiên, khi tham gia mở rộng đầu tư đa ngành nghề, việc áp đặt cơ chế quản lý tài chính của lĩnh vực độc quyền đối với lĩnh vực kinh doanh đối đầu với sự cạnh tranh của rất nhiều doanh nghiệp và chịu sự tác động của hệ thống pháp luật khác khiến cho việc tổ chức kinh doanh trong những lĩnh vực mới của Công ty XSKT gặp nhiều khó khăn. Cơ chế quản lý chi phí không thể nhập nhằng giữa lĩnh vực kinh doanh xổ số với lĩnh vực khác nhất là trong thực hiện quảng cáo, khuyến mãi, chi hoa hồng, chiết khấu giảm giá bán, ... Do đó, cần thiết phải ban hành quy định tách rời hoạt động điều hành và quản lý tài chính cho từng lĩnh vực như các doanh nghiệp khác nhằm tạo sự thông thoáng và tự chủ trong kinh doanh. Quy định cụ thể về cách thức đầu tư và thu hồi vốn, cách xác định doanh thu chi phí, cách thức phân phối lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh những ngành nghề khác ngoài xổ số trên cơ sở phù hợp với tính chất của ngành nghề và thuộc tính sở hữu Nhà nước. Chính vì thế, việc xây dựng và ban hành cơ chế quản lý tài chính theo hướng phát triển mô hình Công ty mẹ – công ty con với nhiều loại hình sở hữu cần được thực hiện.

Tóm lại, hoàn chỉnh qui định về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số trên cơ sở xác định rõ quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng vốn Nhà nước theo hướng mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp là cần thiết. Việc quản lý, chi phối Công ty XSKT bằng hệ thống văn bản pháp luật với những quy định chi tiết sẽ gia tăng mức độ minh bạch trong quan hệ giữa các cơ quan công quyền với Công ty xổ số trực thuộc.

3.3.2 Hoàn thiện qui định pháp luật đối với Công ty TNHH một thành viên kinh doanh xổ số.

Công ty TNHH một thành viên sở hữu 100% vốn Nhà nước là một mô hình doanh nghiệp mới ở Việt Nam được hình thành từ chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước trong giai đoạn hội nhập thế giới. Vì vậy, Nhà nước cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật cần thiết để Công ty TNHH nói chung và Công ty TNHH một thành viên nhà nước hoạt động trong lĩnh vực XSKT nói riêng hoạt động như một thực thể kinh tế độc lập, tạo khung cơ chế thực sự cho việc phát triển Công ty TNHH một thành viên. Mặt khác, Nhà nước cũng cần định rõ trách nhiệm pháp lý của Công ty TNHH trên các mặt như: chế độ tài chính - kế toán, chế độ báo cáo tài chính, quan hệ về thuế và kiểm toán, đầu tư chứng khoán, quy chế đầu tư và phương thức giao dịch thương mại trong và ngoài Công ty.

Khi chuyển đổi sang mô hình Công ty TNHH một thành viên, các Công ty XSKT chịu sự chi phối bởi những quy định của Luật doanh nghiệp và Thông tư của Bộ Tài chính về quản lý tài chính đối với ngành kinh doanh đặc thù. Việc đồng nhất trong quy định quản lý tài chính giữa 2 loại văn bản pháp luật trên cần phải được thực hiện liên tục nhằm đảm bảo quyền tự chủ của Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính.

3.3.3 Cụ thể hóa quy định về cơ chế giám sát, kiểm tra, xử lý vi phạm.

Sự ra đời của Thông tư 112/2007/TT BTC đã dần lập lại trật tự trong việc tuân thủ những quy định về quản lý tài chính tại các Công ty XSKT. Mặc dù Thông tư có quy định về chế độ báo cáo định kỳ và tổ chức kiểm toán hàng năm nhưng tình trạng vi phạm chế độ quản lý tài chính vẫn còn xảy ra. Những qui định về hình thức xử lý vi phạm, khen thưởng tương ứng với mức độ tuân thủ cơ chế theo qui định chưa cụ thể. Nhằm tạo sự thống nhất và công bằng giữa các Công ty XSKT cùng khu vực hoặc các Công ty mở thưởng cùng ngày, Bộ Tài chính cần ban hành quy định chặt chẽ hơn trong kiểm tra tính chấp hành của Công ty về quản lý tài chính. Đồng thời, cơ quan kiểm tra cần sớm phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm nhằm nâng cao chất lượng của hoạt động giám sát, kiểm tra của Nhà nước về thực hiện quản lý tài chính tại các doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

3.4 Nhóm giải pháp khác.

3.4.1 Hoạch định chiến lược tài chính trong giai đoạn mở rộng đầu tư.

Với đặc thù của hoạt động xổ số, chi phí trả thưởng cùng chi phí hoa hồng đại lý chiếm phần lớn (75%) trong cơ cấu dòng tiền vào trong từng đợt phát hành của Công ty. Các khoản chi đầu tư ban đầu trang bị tài sản phục vụ kinh doanh không đáng kể và được tài trợ bằng vốn ngân sách Nhà nước. Ngoài ra, nguồn vốn của Công ty còn được bổ sung bằng quỹ đầu tư phát triển được trích 30% từ lợi nhuận hàng năm. Trong khi đó, nhu cầu đầu tư phát triển các loại hình xổ số mới không phát sinh do qui định giới hạn ràng buộc cũng như sức ỳ trong tư duy kinh doanh. Do đó, xây dựng chiến lược tài chính trong kinh doanh chưa được Công ty XSKT quan tâm. Tuy nhiên, trong giai đoạn phát triển đa dạng hóa các sản phẩm xổ số, mở rộng lĩnh vực kinh doanh, lượng vốn tích lũy của Công ty XSKT không đủ tài trợ cho các hoạt động trên. Khi đó, việc tìm nguồn vốn tài trợ

khác là tất nhiên. Chính vì vậy, ngay từ bây giờ, các Công ty XSKT cần hoạch định chiến lược tài chính phục vụ cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Hình 3.33 Bảng so sánh chiến lược tài chính của Công ty XSKT khi mở rộng đầu tư với doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Nội dung	Chiến lược tài chính của Công ty XSKT khi mở rộng đầu tư.	Chiến lược tài chính của doanh nghiệp với thành phần kinh tế tư nhân.
Hình thức sở hữu.	+ 100% vốn của Công ty XSKT (công ty mẹ) hoặc + 100% vốn của Nhà nước khi tham gia góp vốn liên doanh hoặc + Thuộc sở hữu của nhiều thành phần khi tham gia góp vốn liên doanh, trong đó vốn Nhà nước giữ vai trò chi phối.	+ Thuộc sở hữu của tư nhân.
Lĩnh vực kinh doanh.	+ Cùng lĩnh vực kinh doanh.	+ Cùng lĩnh vực kinh doanh.
Chiến lược tài chính trong giai đoạn khởi sự kinh doanh.	+ Sử dụng vốn cổ phần. + Sử dụng vốn vay nợ.	+ Sử dụng vốn tài trợ của các quỹ đầu tư mạo hiểm.
Mức độ rủi ro trong giai đoạn khởi sự.	+ Rủi ro kinh doanh cao. + Rủi ro tài chính cao.	+ Rủi ro kinh doanh cao. + Rủi ro tài chính thấp.
Chi phí sử dụng vốn trong giai đoạn khởi sự.	+ Cao do chi phí sử dụng vốn vay cao.	+ Thấp do các nhà đầu tư mạo hiểm chỉ quan tâm đến phần lãi vốn.
Triển vọng tăng trưởng trong tương lai.	+ Cao.	+ Rất cao.

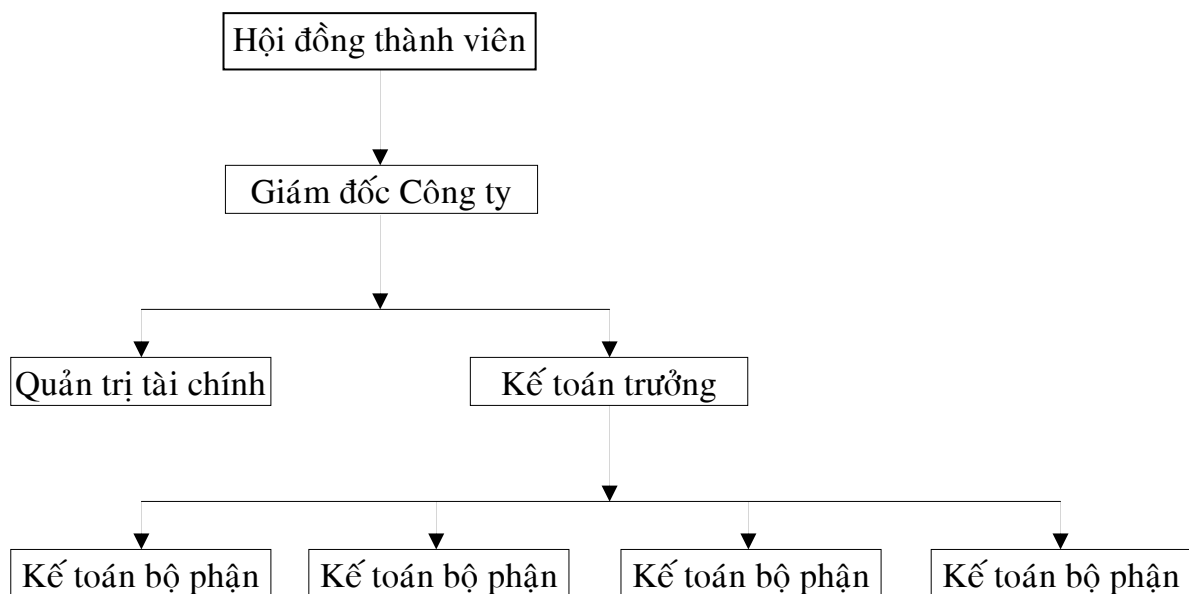
Qua bảng so sánh trên của hai loại hình Công ty, mặc dù kinh doanh chung một lĩnh vực trong cùng giai đoạn nhưng do đặc điểm của hình thức sở hữu nên Công ty XSKT có thể vay vốn từ các ngân hàng thương mại với chi phí sử dụng vốn cao trong khi doanh nghiệp có vốn tư nhân có thể được tài trợ bằng quỹ đầu tư mạo hiểm. Có thể cho rằng, chính đặc điểm này đã làm giảm giá trị của doanh nghiệp kinh doanh xổ số do ảnh hưởng của chi phí sử dụng vốn.

3.4.2 Tăng cường vai trò của nhà quản trị tài chính.

Các nhà quản trị tài chính là chiếc cầu nối giữa doanh nghiệp đang nắm giữ tài sản thực với thị trường tài chính có các nhà đầu tư đang nắm giữ tài sản tài chính của doanh nghiệp. Các Giám đốc tài chính (CFO) có trách nhiệm chính trong đưa ra các quyết định đầu tư, tài trợ và chính sách phân phối lợi nhuận.

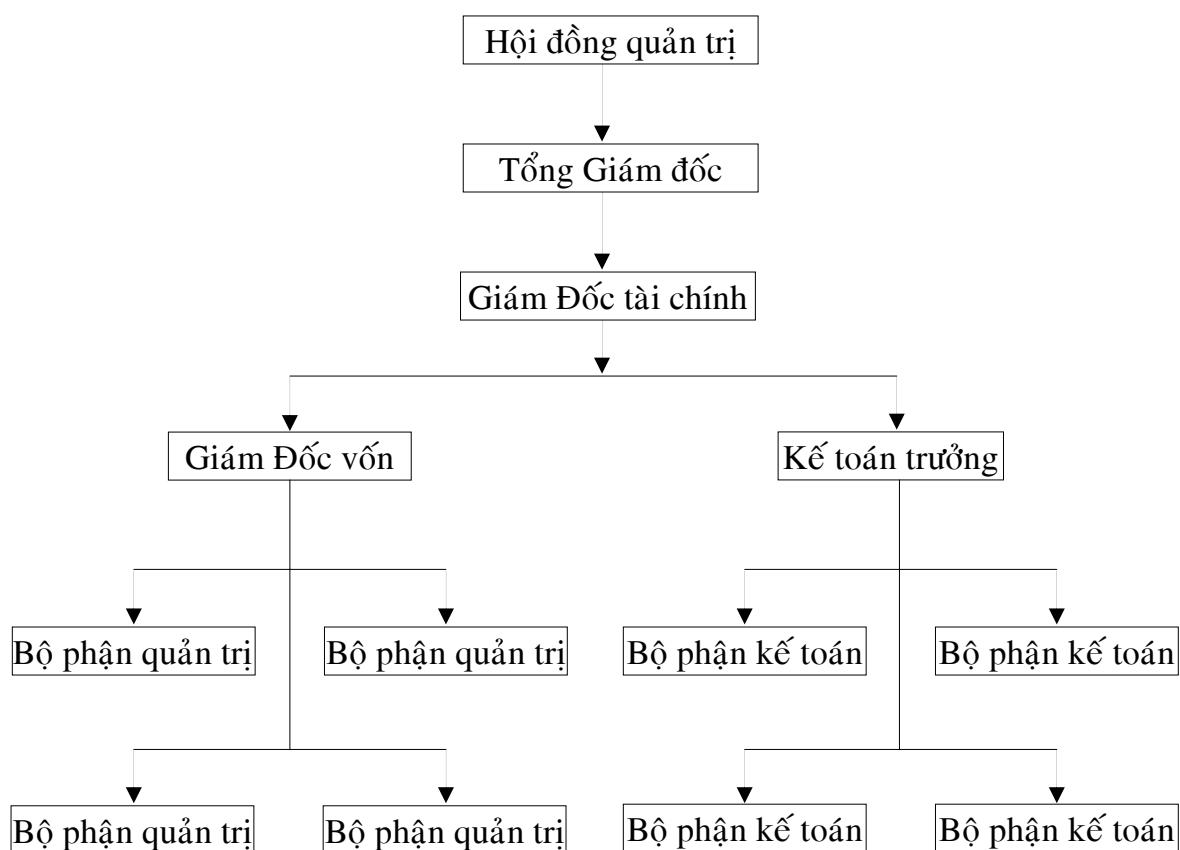
Trong thời gian qua, một vài Công ty XSKT cũng đã có những hoạt động đầu tư nhất định bằng vốn tài trợ của chính Công ty. Với hoạt động tham gia góp vốn liên doanh, chính sách phân phối lợi nhuận phụ thuộc vào quyết định của các cổ đông góp vốn. Trong khi đó, hoạt động mở rộng lĩnh vực kinh doanh do chính Công ty điều hành phụ thuộc chính phân phối lợi theo qui định của Bộ Tài chính. Với đặc điểm trên, vai trò của nhà quản trị tài chính không được thể hiện rõ nét. Các quyết định tài chính do Giám đốc quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của nhiều người từ nhân viên đến lãnh đạo các phòng nghiệp vụ. Sự kiêm nhiệm và những qui định ràng buộc không còn phù hợp trong thời gian tới khi qui mô kinh doanh trong và ngoài lĩnh vực xổ số của Công ty mở rộng đáng kể. Trước tiên, cần bổ nhiệm một nhà quản trị tài chính chuyên nghiệp với đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm để có thể nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hình 3.34 Vai trò của quản trị tài chính



Khi mô hình Công ty mẹ – công ty con được vận dụng, vai trò của nhà quản trị tài chính phải được nâng cao.

Hình 3.35 Vai trò của nhà quản trị trong mô hình mới.



3.4.3 Gia tăng doanh thu thông qua đổi mới sản phẩm xổ số truyền thống.

Doanh thu từ kinh doanh xổ số truyền thống của khu vực chiếm trên 99% tổng doanh thu hàng năm. Trong tổng số 21 công ty XSKT của khu vực, vé số bốc hiện chỉ còn được 3 Công ty duy trì kinh doanh với lượng phát hành nhỏ do không hấp dẫn được người mua. Trong khi đó, tất cả các Công ty XSKT khu vực Miền Nam chỉ kinh doanh gần như duy nhất vé số truyền thống loại hình 5 chữ số với mệnh giá 5.000đ.

Bảng 3.36 So sánh mức độ hấp dẫn của các sản phẩm xổ số.

Quốc gia	Sản phẩm	Mức kỷ lục trúng thưởng
Mỹ	Mega Millions	363 triệu USD/1USD
Mỹ	Powerball	340 triệu USD/1 USD
Việt Nam (Miền Nam)	Vé 5 chữ số	125 triệu đồng/5.000đ

Nguồn: [tổng hợp]

Sự đơn điệu về chủng loại sản phẩm và giải trúng thấp đã không kích thích nhiều người tham gia xổ số. Bộ Tài chính cùng Hội đồng xổ số khu vực cần tạo cơ chế thông thoáng qui định sản phẩm xổ số phát hành. Từng Công ty XSKT phải tự chủ trong chọn lựa và sáng tạo loại sản phẩm xổ số kinh doanh đúng với cơ cấu giải trúng theo quy định. Chẳng hạn như sản phẩm kết hợp giữa vé số truyền thống và vé số điện toán với thay đổi bộ số từ 10 lên hàng chục số cùng với quy định gia tăng về quy mô giải thưởng đặc biệt tương ứng. Sản phẩm xổ số truyền thống có cơ cấu trúng thưởng từ 1 số đến 5 hoặc 6 số với tổng giá trị trúng thưởng theo quy định. Sản phẩm xổ số gắn với mục tiêu đóng góp cụ thể. Việc đa dạng hóa sản phẩm xổ số sẽ làm giảm hoạt động của sản phẩm phái sinh bất hợp pháp như số đề, xổ số khuyến mãi, ...

*** Cải thiện doanh thu bằng cách thiết lập kênh bán vé qua điện thoại và internet.**

Vé xổ số truyền thống với hình thức mua bán tại điểm cố định và người bán vé lưu động trong thời gian qua là 2 kênh phân phối cơ bản, góp phần tăng doanh số tiêu thụ của khu vực Miền Nam cao hơn so với 2 khu vực còn lại. Tuy nhiên, cả 2 kênh tiêu thụ vé này có hạn chế nhất định. Sự bất lợi về điều kiện thời tiết như mưa bão, lũ lụt, ... làm hạn chế cơ hội tiếp xúc giữa người bán lẻ và người mua, làm giảm đáng kể lượng vé bán. Trong năm, doanh số tiêu thụ quý 3 của các Công ty XSKT đạt thấp nhất với mức độ chênh lệch từ 10% đến 15%. Sự gia tăng ngày càng nhiều những khu vực cấm bán vé xổ số như nhà hàng, quán ăn uống, khu vui chơi, ... đã giới hạn phạm vi mua bán của hình thức bán lưu động. Theo đó, một tổ chức uy tín làm trung gian liên kết các đại lý và cập nhật liên tục những số hiện có tại địa chỉ Web cho khách hàng lựa chọn. Lệnh mua được đặt trực tiếp qua điện thoại hoặc mạng internet. Lệnh mua đặt trước được thực hiện. Tất cả giao dịch thanh toán được thực hiện qua tài khoản ngân hàng. Kênh bán hàng mới khắc phục sự bất lợi của thời tiết, phục vụ tốt người tham gia xổ số tốt hơn và đồng thời hạn chế những cảm giác không tốt của người dân khi không muốn mua vé số.

*** Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực cho xổ số.**

Nhu cầu đầu tư hạ tầng kỹ thuật và đào tạo nhân lực trong hoạt động xổ số được đặt ra nhằm đảm bảo thực hiện tốt những cơ chế quản lý tài chính đã thiết lập. Dù tổ chức kinh doanh loại hình sản phẩm nào, hoạt động xổ số cần được trang bị các thiết bị phần cứng, phần mềm phục vụ quản lý, hỗ trợ kinh doanh. Hiện tại, tất cả các Công ty XSKT đều được trang bị cơ bản với hệ thống mạng máy tính cùng phần mềm chuyên. Một số công ty đã sử dụng hệ thống lồng cầu quay số điện tử thay cho cách thức quay số thủ công. Loại hình xổ số điện toán

khi được triển khai trên toàn quốc đòi hỏi phải trang bị số lượng lớn máy tính tại các đại lý bán vé. Ngoài ra, nhân sự làm việc tại các Công ty XSKT cũng phải được nâng cao trình độ năng lực trong sử dụng máy móc thiết bị cũng như khả năng phân tích, đánh giá và báo cáo tình hình kinh doanh.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.

Các Công ty kinh doanh xổ số chủ yếu dựa trên nguồn vốn tích lũy trong quá trình hoạt động. Lợi nhuận còn lại của các Công ty XSKT đều huy động vào ngân sách địa phương. Do đó, các nhóm giải pháp đề xuất trong quá trình nghiên cứu đề tài tập trung vào kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế quản lý tài chính tại Công ty XSKT; nhóm giải pháp nhằm tăng doanh thu, giảm thiểu chi phí và rủi ro thiệt hại đang dần phát sinh trong hoạt động xổ số khu vực Miền Nam nói riêng và của Việt Nam nói chung.

KẾT LUẬN

Với 30 năm tồn tại và phát triển, hoạt động xổ số kiến thiết tại Việt Nam đã đóng góp đáng kể cho công cuộc kiến thiết và phát triển của đất nước. Nhiều công trình được tài trợ từ nguồn xổ số được thực hiện trong lĩnh vực giao thông, y tế, văn hóa, giáo dục, thể thao, từ thiện xã hội. Trong kết quả đóng góp trên, loại hình xổ số truyền thống chiếm phần lớn hình thành nguồn thu cho xổ số. Mặc dù, mô hình thị trường cạnh tranh chung theo khu vực của Miền Nam đã được vận dụng cho cả nước do những tác dụng của những ưu điểm của mô hình mang lại. Tuy nhiên, kinh doanh chỉ dựa trên duy nhất loại hình xổ số truyền thống đang bắt đầu bộc lộ những khiếm khuyết. Việc thực hiện cơ chế tài chính tại mỗi Công ty XSKT còn chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao do những tồn tại mới phát sinh. Nâng cao khả năng kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng đối với Công ty XSKT. Nâng cao quyền tự chủ của doanh nghiệp trong việc lựa chọn kinh doanh sản phẩm mới của cùng loại hình xổ số hoặc loại hình xổ số mới nhằm đạt được cơ chế tài chính tối ưu tại mỗi Công ty XSKT. Trong quá trình lựa chọn sản phẩm xổ số thích hợp, các Công ty XSKT cần tham khảo và nghiên cứu hoạt động xổ số của các quốc gia tiên tiến trên thế giới nhằm vận dụng có chọn lọc những loại hình kinh doanh xổ số mới vào Việt Nam, rút ngắn thời gian hình thành và thử nghiệm sản phẩm xổ số tại Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính (2005), *Báo cáo đánh giá hoạt động xổ số kiến thiết 2004-2005 và định hướng phát triển đến năm 2010*, Hà Nội.
2. Bộ Tài Chính (2006), *Thông tư 107/2006/TT-BTC về hướng dẫn một số điểm về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007*, Hà Nội.
3. Bộ Tài Chính (2007), *Thông tư 65/2007/TT-BTC về hướng dẫn chi tiết Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01/3/2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số*, Hà Nội.
4. Bộ Tài Chính (2007), *Thông tư 112/2007/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Công ty xổ số kiến thiết*, Hà Nội.
5. Chính phủ (2004), *Quy chế quản lý tài chính của Công ty nhà nước và quản lý vốn Nhà nước*, Hà Nội.
6. Chính phủ (2007), *Nghị định về kinh doanh xổ số*, Hà Nội.
7. Công ty XSKT An Giang (2007), *Báo cáo quyết toán*, An Giang.
8. Phan Lữ Hoàng Hà (2007), *Công ty Xổ số kiến thiết Bến Tre tích cực tham gia công tác xã hội*, bentre.gov.vn.
9. Tô Thiệu Hữu (1999), *Định hướng và những giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả Tài Chính từ hoạt động Xổ Số Kiến Thiết Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
10. Tô Thiệu Hữu (2006), *Bàn thêm về việc giao kế hoạch đối với các Công ty XSKT khu vực miền Nam*, Tạp chí tài chính tháng 11/2006, tr. 32-35.
11. Thụy Miên (2005), *Những giải xổ số lớn nhất nước Mỹ*, Vietbao.vn.
12. Bùi Thị Kim Qui (2005), *Cơ chế quản lý tài chính đối với DNNN*, tạp chí Kinh tế phát triển số tháng 4, Trường Đại học Kinh Tế Hồ Chí Minh.

13. Xổ số kiến thiết khu vực miền Nam (2007), *Báo cáo hoạt động xổ số kiến thiết khu vực miền Nam năm 2007*.
14. Xổ số kiến thiết khu vực miền Nam (2008), *Báo cáo hoạt động xổ số kiến thiết khu vực miền Nam quý I năm 2008*.
15. Richard D. Young (2004), *State Lotteries : History, Practices, Issues, and the South Carolina Educational Lottery*, The University of South Carolina College of Liberal Arts' Institute for Public Service and Policy Research.
16. NASPL (2006), *Cumulative Lottery Contributions to Beneficiaries*, <http://www.naspl.org>.
17. NASPL (2006), *Lottery History*, <http://www.naspl.org>.

PHỤ LỤC 1 : SỐ LIỆU ĐÓNG GÓP PHÚC LỢI XÃ HỘI
CỦA HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ CÁC BANG NƯỚC MỸ
(Từ khi thành lập đến 30/6/2006).

(đvt : triệu USD)

Lĩnh vực	Washington	Virginia	West Virginia	Arizona
Giáo dục	476,22	3.003,89	903,12	445,64
Nghiên cứu kinh tế	2,53			50,16
Đóng góp ngân sách	1.836,13	2.788,42	535,64	766,77
Y tế, du lịch, thể thao	84,86		346,08	40,65

Nguồn : [tổng hợp từ <http://www.naspl.org>]

**PHỤ LỤC 2 : HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHÚC LỢI XÃ HỘI
CỦA CÔNG TY XSKT TỈNH BẾN TRE
TỪ NĂM 1996 ĐẾN 2007.**

đvt : tỉ đồng

STT	Nội dung	Số tiền
1	Xây dựng 387 căn nhà tình nghĩa.	7
2	Xây dựng 172 căn nhà tình thương.	0,873
3	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị khoa Nhi bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.	3,044
4	Máy phát điện bệnh viện Nguyễn Đình Chiểu.	2,4
5	Xây dựng phòng khám bệnh miễn phí cho trẻ em nghèo.	0,3
6	Chi phí mổ mắt và mổ tim bẩm sinh cho trẻ em nghèo.	0,33
7	Ủng hộ bệnh nhân nghèo, người tàn tật bị thiên tai, nạn nhân chất độc da cam.	2,559
8	Xây dựng và sửa chữa cầu đường nông thôn.	16,953
9	Xây dựng 33 trường mẫu giáo tại các huyện.	10
10	Xây dựng và sửa chữa trường học.	3,161
11	Xây dựng nhà văn hóa người cao tuổi.	2,5
12	Xây dựng nhà văn hóa thiếu nhi.	0,487
13	Xây dựng khu dưỡng lão thuộc trung tâm xã hội Bến Tre.	1
14	Hỗ trợ nhà tưởng niệm nghĩa trang liệt sĩ.	0,02

Nguồn :[<http://www.bentre.gov.vn>]

**PHỤ LỤC 3 : ƯỚC TÍNH SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC
XỔ SỐ KIẾN THIẾT KHU VỰC MIỀN NAM (VIỆT NAM).**

Stt	Nội dung	Số liệu
1	Doanh thu tiêu thụ năm 2007 (đvt : triệu đồng).	20.723.253
2	Doanh thu bình quân 1 ngày (365ngày/năm) (đvt : triệu đồng).	56.776
3	Thu nhập bình quân 1 người bán lẻ/ngày (đvt : triệu đồng).	0,1
4	Tỉ lệ hoa hồng người bán lẻ nhận được (đvt : %).	12
5	Lượng vé trung bình phải bán mỗi ngày (đvt : triệu đồng).	0,833
6	Số lượng lao động khâu bán lẻ.	68.131
7	Số lượng đại lý cấp 2 : 30 người bán lẻ/đại lý cấp 2.	2.271
8	Số lượng đại lý cấp 1 : 20 người đại lý cấp 2/đại lý cấp 1.	114
9	Số lao động phụ giúp cho đại lý cấp 2 : 5 lao động/đại lý cấp 2.	11.355
10	Số lao động phụ giúp cho đại lý cấp 1 : 10 lao động/đại lý cấp 1.	1.136
	Cộng :	83.007

Nguồn: [tổng hợp]

PHỤ LỤC 4 : LỊCH MỞ THƯỞNG CÁC CÔNG TY XSKT TẠI VIỆT NAM.

Ngày mở thưởng	Công ty XSKT khu vực miền Bắc	Công ty XSKT khu vực miền Trung	Công ty XSKT khu vực miền Nam
Thứ 2	Hà Nội - Phú Thọ - Điện Biên - Thanh Hóa	Thừa Thiên Huế - Phú Yên	TPHCM - Đồng Tháp - Cà Mau
Thứ 3	Quảng Ninh - Hà Tĩnh - Hưng Yên - Thái Nguyên	Đắk Lắk - Quảng Nam	Vũng Tàu - Bến Tre - Bạc Liêu
Thứ 4	Hà Tây - Nghệ An - Bắc Ninh - Tuyên Quang - Lai Châu	Khánh Hòa - Đà Nẵng	Đồng Nai - Cần Thơ - Sóc Trăng
Thứ 5	Hà Nội - Hà Giang - Cao Bằng - Sơn La	Bình Định - Quảng Trị - Quảng Bình	Tây Ninh - An Giang - Bình Thuận
Thứ 6	Hải Phòng - Hòa Bình - Hà Nam - Bắc Giang - Bắc Cạn	Ninh Thuận - Gia Lai	Bình Dương - Vĩnh Long - Trà Vinh
Thứ 7	Nam Định - Yên Bái - Lạng Sơn - Vĩnh Phúc	Đà Nẵng - Quảng Ngãi - Đắk Nông	TPHCM - Long An - Bình Phước - Hậu Giang
Chủ nhật	Thái Bình - Lào Cai - Ninh Bình - Hải Dương	Khánh Hòa - Kon Tum	Tiền Giang - Kiên Giang - Lâm Đồng

Nguồn: [tổng hợp]

PHỤ LỤC 5 :**GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ**

Thuật ngữ	Giải thích
Kỳ hạn nợ	Là khoảng thời gian mà đại lý xổ số phải hoàn thành việc thanh toán tiền mua vé số đối với từng đợt nhận vé bán.
Quay số mở thưởng	Xác định kết quả trúng thưởng bằng hình thức quay lồng cầu có chứa các quả bóng có đánh số thứ tự.
Trả thưởng	Chi trả tiền cho những vé xổ số trúng thưởng.
Bù hao	Bù đắp hao hụt trong in ấn vé xổ số.
Xổ số kiến thiết	Xổ số nhằm mục đích xây dựng đất nước.
Xổ số truyền thống	Là loại hình xổ số có in sẵn trước giá vé; các chữ số, chữ cái để khách hàng lựa chọn tham gia dự thưởng. Số lượng các chữ số, chữ cái giới hạn trong phạm vi vé số phát hành và việc xác định kết quả trúng thưởng được thực hiện sau thời điểm phát hành vé số.
Xổ số điện toán	Là loại hình xổ số mà người mua được quyền lựa chọn các số mà mình ưa thích trong phạm vi giới hạn các số nhất định để tham gia dự thưởng và việc xác định kết quả trúng thưởng được thực hiện sau thời điểm phát hành vé số.

PHU LUC 6 : LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HOẠT ĐỘNG XỔ SỐ

1. Trên thế giới.

Hình thức sơ khai của hoạt động xổ số ra đời từ rất sớm. Vào năm 100 trước Công nguyên, triều đại phong kiến Trung Quốc đã tổ chức hoạt động có tính chất gần giống như xổ số nhằm huy động sự đóng góp của dân chúng phục vụ cho mục đích quốc phòng. Vạn Lý Trường Thành là một minh chứng cụ thể. Hình thức xổ số đầu tiên được công nhận tại Châu Âu là hoạt động bán các đồ vật của nhà danh họa Jan Van Eyck bằng cách xổ số. Từ đó, những hoạt động tương tự được tổ chức phổ biến tại nhiều quốc gia. Xổ số được tổ chức tại Bỉ nhằm huy động tài chính cho việc xây dựng nhà thờ, nhà tế bần, cảng biển, kênh đào vào năm 1465; năm 1515 tại Italy; năm 1539 tại Pháp; năm 1567 tại Anh; năm 1700 tại Mỹ.

Năm 1912, hoạt động xổ số nhằm mục đích kinh doanh được tổ chức hợp pháp đầu tiên tại Canada. New Hampshire (Mỹ) tổ chức hoạt động kinh doanh xổ số hợp pháp vào năm 1964 dưới hình thức đua ngựa. Sau đó, các hình thức xổ số mới xuất hiện theo nhóm nhiều bang với quy mô giải thưởng khác nhau như : Tri-State Lotto, Keno, Mega Millions, Powerball,... Năm 2006, giải thưởng kỷ lục 365 triệu USD được trao cho 8 công nhân khi cùng tham gia xổ số Powerball.

2. Tại Việt Nam.

Hoạt động xổ số tại Việt Nam phát triển qua nhiều giai đoạn ứng với mỗi mốc lịch sử của đất nước.

2.1. Thời kỳ từ năm 1945 trở về trước.

Hoạt động xổ số hợp pháp đầu tiên tại Việt Nam được chính quyền thực dân Pháp tổ chức vào năm 1936 bằng việc phát hành tờ vé số Đông Dương nhằm tăng nguồn thu phục vụ cho chính sách cai trị và bóc lột các

nước thuộc địa. Tuy nhiên, hậu quả của chính sách khai thác vơ vét thuộc địa làm cho kinh tế các nước Đông Dương kiệt quệ. Do ít người tham gia nên tỉ lệ tiêu thụ vé số Đông Dương rất thấp. Sau vài đợt phát hành không hiệu quả, chính quyền thực dân Pháp phải ngừng kinh doanh vào năm 1938.

Năm 1945, Cách mạng tháng Tám thành công, nhà nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ra đời sau tuyên bố độc lập vào ngày 2/9/1945. Chính phủ lúc bấy giờ rất quan tâm đến xổ số nhằm động viên sự đóng góp của nhân dân cho việc bảo vệ và xây dựng đất nước nên đã ban hành Nghị định 258 TC ngày 12/3/1946 và Sắc lệnh số 45 ngày 5/4/1946; sau đó là Nghị định 375 TC ngày 15/5/1946 và 381 TC ngày 21/5/1946 quy định về việc tổ chức phát hành và sử dụng khoản thu từ xổ số. Tuy nhiên, tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp quay lại xâm chiếm nước ta. Nhân dân cả nước tập trung cho cuộc kháng chiến trường kỳ giành độc lập cho tổ quốc, giành tự do cho dân tộc nên việc phát hành xổ số chưa thực hiện được.

2.2. Giai đoạn từ 1954 đến 1975.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 của dân tộc Việt Nam, thực dân Pháp phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ. Đế quốc Mỹ can thiệp và xâm chiếm Việt Nam. Việt Nam bị chia cắt thành 2 miền tại ranh giới vĩ tuyến 17. Miền Bắc hoàn toàn độc lập, Miền Nam trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Tại Miền Nam, năm 1957, chính quyền Sài Gòn tổ chức phát hành xổ số kiến thiết theo hình thức quay số mở thưởng mỗi tuần 1 lần. Lượng vé phát hành cả Miền Nam mỗi tuần chỉ 7.200.000 vé với tỉ lệ trả thưởng chiếm 60% doanh số tiêu thụ. Nguồn thu từ xổ số được sử dụng để đầu tư xây dựng các khu chung cư bán lại cho người dân và bệnh viện Vì Dân (nay là bệnh viện Thống Nhất).

Tại Miền Bắc, trên cơ sở phương án phát hành vé số Thủ Đô nhằm tạo hình thức vui chơi giải trí cho nhân dân, đồng thời huy động sự đóng góp của xã hội cho việc xây dựng Thủ Đô, Chính phủ ban hành Nghị định 31-CP ngày 26/2/1962 cho phép các địa phương được tự tổ chức phát hành xổ số kiến thiết.

2.3. Giai đoạn từ 1975 đến 1982.

Tiếp nối cơ chế tổ chức hoạt động xổ số từ Miền Bắc, mỗi địa phương ở Miền Nam cũng được phép phát hành xổ số kiến thiết mà không có cơ quan Nhà nước thống nhất quản lý nên tình trạng ngăn sông cấm chợ xảy ra. Vé số của địa phương nào chỉ được bán tại địa phương đó. Chính vì vậy hoạt động xổ số bị kiểm hãm, nguồn thu từ xổ số đóng góp cho ngân sách Nhà nước không nhiều nên chưa phát huy tác dụng kiến thiết đất nước.

2.4. Giai đoạn từ 1982 đến nay.

Với sự ra đời của quyết định 148 CT ngày 21/5/1982, quyết định 228 CT ngày 14/6/1982, Hội đồng Bộ trưởng quy định quản lý thống nhất hoạt động xổ số kiến thiết cả nước. Nhà nước độc quyền kinh doanh xổ số và giao cho ngành Tài chính quản lý theo hình thức thành lập Ban xổ số như một đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Tài chính. Năm 1987, Ban xổ số chuyển đổi thành Công ty xổ số kiến thiết và năm 1991 chính thức trở thành Doanh nghiệp Nhà nước. Nghị định 30/2007/NĐ CP ngày 1/3/2007 quy định chuyển đổi Công ty xổ số kiến thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hoạt động theo luật doanh nghiệp hiện hành.

Hoạt động xổ số Việt Nam ngày càng tăng trưởng và từng bước đổi mới phù hợp với sự phát triển của đất nước. Từ loại hình xổ số truyền thống ban đầu với quy mô phát hành nhỏ, đến nay hoạt động xổ số tại Việt Nam đã tổ chức thêm nhiều hình thức mới như : xổ số lô tô, xổ số cào, xổ số bốc, xổ số điện toán. Nguồn thu từ xổ số đóng góp đáng kể cho ngân sách địa phương.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC KHI NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

Công trình nghiên cứu này đã đạt được những kết quả sau:

1 Hoạt động xổ số trên thế giới nói chung và tại Việt Nam nói riêng luôn vận động song trùng với sự phát triển của nền kinh tế quốc gia. Kết quả nghiên cứu đã góp phần bổ sung hoàn thiện những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu.

2 – Những vấn đề còn tồn tại trong quá trình thực hiện theo cơ chế tài chính hiện tại của các Công ty xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam cũng như những giải pháp đề xuất của đề tài đã được cố gắng lượng hóa ở mức độ tối đa. Qua đó, đề tài giúp người đọc nhận định sâu hơn về nội dung nghiên cứu.

3 – Với những trải nghiệm của tác giả sau 10 năm làm việc trong lĩnh vực xổ số đã góp phần giúp nâng cao chiều sâu của kết quả nghiên cứu.

4 – Thông qua hoạt động nghiên cứu này, tác giả đã tự hoàn thiện hơn những kiến thức về lĩnh vực xổ số và những cơ chế quản lý tài chính được vận hành tại Công ty xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam. Đây là nền tảng vững chắc ban đầu giúp tác giả thực hiện nhiều công trình nghiên cứu tiếp theo sau này.